

SỞ Y TẾ CÀ MAU
BỆNH VIỆN ĐA KHOA CÀ MAU
Số: 104/TB-VTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 17 tháng 6 năm 2024

*Về việc mời chào giá thiết bị y tế,
vật tư tiêu hao thường xuyên*

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hàng hoá của Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Trần Thế Duy phó phòng VTYT SĐT: 0901092186.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

-Nhận trực tiếp tại địa chỉ: phòng VTYT, Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

-Nhận qua email: vattuytecamau@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 18. tháng 06. năm 2024 đến trước 17h ngày 28 tháng 6. năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 6. năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế, vật tư y tế yêu cầu báo giá: đính kèm file
Nhà thầu vui lòng cung cấp báo giá theo Mẫu báo giá gửi kèm.

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản trang thiết bị y tế.

- Hàng hoá phải được giao tận nơi đến kho của phòng VT-TBYT Bệnh viện đa khoa Cà Mau. Địa chỉ: Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau,

Tỉnh Cà Mau

- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển, bảo quản hàng hoá, đảm bảo giao hàng đúng địa điểm nêu trên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày kể từ ngày nhận được dự trù của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

5. Các thông tin khác (nếu có). 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT.



Tô Minh Nghị

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 104/TB-TBYT ngày 17 tháng 6 năm 2024 của giám đốc Bệnh viện đa khoa Cà Mau)

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
1	G01-01	Băng bột bó	Làm bằng thạch cao, thời gian đông kết 2-6 phút, kích thước 15cm x 2.7m; Tiêu chuẩn CFS G7	Cuộn	15.000
2	G01-02	Bông y tế hút nước	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, hút nước tốt. Đóng gói: 1kg/ gói. Loại: không tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Kg	168
3	G01-03	Bông y tế không thấm nước	Tên gọi khác: Bông mỡ. Nguyên liệu: bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Kg	144
4	G01-04	Gòn sọ não	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước. Quy cách: 1,2cm x 10cm. Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Gói/ 20gr. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	200
5	G01-05	Gòn tiêm thuốc	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, thấm nước, bông dạng viên, kích thước 1,5cm x 2cm. Gói/ 50gr. Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	16.000
6	G01-06	Gòn viên dành cho nha khoa	Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton và được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi, hút nước tốt, bông được se thành viên tròn. Gói/ 10gr. Loại: tiết trùng (khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	2.400
7	G01-07	Gòn viên vô trùng	Nguyên liệu: sợi bông cotton 100%, hút nước, bông được quấn lại nhiều lớp có đường kính 3cm và cắt kích thước 4cm. Gói/ 20gr. Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	1.200
8	G01-08	Gạc bông y tế	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước. Kích thước gạc 1m x 1m được gấp lại ra kích thước 12cm x 15cm. Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Miếng	6.400
9	G01-09	Gạc liên chuyên khoa	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước; kích thước miếng gạc: 5cm x 6cm, dày 8 lớp. Gói/ 16 miếng. Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	76.000
10	G01-10	Gạc mổ mắt	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước. Quy cách: 5cm x 8cm, dày 8 lớp. Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	6.400
11	G01-11	Gạc phẫu thuật	Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton (vải dệt hút nước) và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Kích thước 35cm x 40cm x 4 lớp Đóng gói: 5 cái/gói, cân quang vô trùng. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiết trùng bằng khí EO-Gas Đạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, CE, cGMP-FDA, FDA	Miếng	100.000
12	G01-12	Gạc thay băng mắt	Nguyên liệu: gạc gấp thành miếng, quy cách 5cmx 6,5cm, dày 8 lớp (làm từ sợi cotton 100%, hút nước); bông y tế (làm từ sợi cotton 100%, hút nước). Loại: tiết trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	400

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
13	G01-13	Gạc thay băng vô trùng loại A	Cấu hình 1 gói sản phẩm gồm: 1 miếng BGĐVT 7x17cm; 7 viên bông fi 3cmx dài 6cm. Thành phần: bông hút nước và gạc hút nước 100% cotton. Đóng gói: 1 bộ/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 9001: 2015, CE	Gói	96.000
14	G01-14	Gạc thay băng vô trùng loại B	Nguyên liệu: bông gạc đắp vết thương 6cm x 10cm (sợi cotton 100%, hút nước); bông tẩm thuốc (sợi bông cotton 100%, hút nước). Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	86.000
15	G01-15	Gạc tiền phẫu	Nguyên liệu: bông gạc đắp vết thương 14cm x 20cm (lớp ngoài: gạc y tế từ sợi cotton 100%, hút nước; lớp trong: bông y tế từ sợi bông cotton 100%, hút nước). Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	200
16	G01-16	Gạc ung bướu vô trùng	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, gạc gấp ra quy cách: 5cm x 15cm, dày 8 lớp. Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	2.000
17	G01-17	Gạc dẫn lưu cỡ nhỏ	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, gạc quấn thành cuộn, quy cách: 0,5cm x 150cm. Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015		1.000
18	G01-18	Gạc dẫn lưu cỡ lớn	Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước, gạc gấp thành cuộn, quy cách: 1,5cm x 120cm. Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Gói	3.000
19	G01-19	Gạc không gòn 10x10cm	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh, gạc được gấp thành từng miếng có kích thước 10cm x 10cm, dày 8 lớp. Loại: tiệt trùng (bằng khí EO). Gói/ 10 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Miếng	20.000
20	G01-20	Sáp xương cầm máu	Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%)	Miếng	240
21	G01-21	Xốp cầm máu	Vật liệu cầm máu collagen tự tan 5x8cm	Miếng	600
22	G01-22	Gạc cầm máu cỡ thường	Làm từ Cellulose tái tạo oxi hóa, được thiết kế đảm bảo độ tinh khiết và nhất quán. Dạng truyền thống có cấu trúc đan lồng, bao bọc tốt, có thể khâu hoặc cắt ra không bị tưa	Miếng	120
23	G01-23	Gạc cầm máu cỡ nhỏ	Làm từ Cellulose tái tạo oxi hóa, được thiết kế đảm bảo độ tinh khiết và nhất quán. Dạng truyền thống có cấu trúc đan lồng, bao bọc tốt, có thể khâu hoặc cắt ra không bị tưa	Miếng	200
24	G01-24	Vật liệu cầm máu các loại	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, bằng sợi Rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), đường kính đồng nhất 20µm, trọng lượng 6.2 mg/cm ² , nguồn gốc thực vật, kích thước 10 x 20cm, có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2.4) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, lưới mềm, dễ thao tác, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày, tiêu chuẩn CE	Miếng	200

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
25	G01-25	Găng tay y tế loại 240mm	Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, có phủ bột chống dính, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, thuận cả 2 tay, không tiết trùng. Công dụng: Dùng trong khám chữa bệnh a.Kích thước: - Bề dày: min 0,08mm - Chiều dài: ≥ 240 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size S: 89 ± 5mm + Size M: 95 ± 5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: $> 7,0$N + Sau lão hóa: $> 6,0$N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: $> 650\%$ + Sau lão hóa: $> 550\%$ c. Lỗ thủng: AQL 1.5	Đôi	1.400.000
26	G01-26	Găng tay y tế loại 240mm không bột	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, không bột, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, thuận cả 2 tay, không tiết trùng. Công dụng: Dùng trong khám chữa bệnh a.Kích thước: - Bề dày: min 0,1mm - Chiều dài: ≥ 240 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size S: 89 ± 5mm + Size M: 95 ± 5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: $> 7,0$N + Sau lão hóa: $> 6,0$N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: $> 650\%$ + Sau lão hóa: $> 550\%$ c. Lỗ thủng: AQL 1.5	Đôi	10.000

1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100
 101
 102
 103
 104
 105
 106
 107
 108
 109
 110
 111
 112
 113
 114
 115
 116
 117
 118
 119
 120
 121
 122
 123
 124
 125
 126
 127
 128
 129
 130
 131
 132
 133
 134
 135
 136
 137
 138
 139
 140
 141
 142
 143
 144
 145
 146
 147
 148
 149
 150
 151
 152
 153
 154
 155
 156
 157
 158
 159
 160
 161
 162
 163
 164
 165
 166
 167
 168
 169
 170
 171
 172
 173
 174
 175
 176
 177
 178
 179
 180
 181
 182
 183
 184
 185
 186
 187
 188
 189
 190
 191
 192
 193
 194
 195
 196
 197
 198
 199
 200
 201
 202
 203
 204
 205
 206
 207
 208
 209
 210
 211
 212
 213
 214
 215
 216
 217
 218
 219
 220
 221
 222
 223
 224
 225
 226
 227
 228
 229
 230
 231
 232
 233
 234
 235
 236
 237
 238
 239
 240
 241
 242
 243
 244
 245
 246
 247
 248
 249
 250
 251
 252
 253
 254
 255
 256
 257
 258
 259
 260
 261
 262
 263
 264
 265
 266
 267
 268
 269
 270
 271
 272
 273
 274
 275
 276
 277
 278
 279
 280
 281
 282
 283
 284
 285
 286
 287
 288
 289
 290
 291
 292
 293
 294
 295
 296
 297
 298
 299
 300
 301
 302
 303
 304
 305
 306
 307
 308
 309
 310
 311
 312
 313
 314
 315
 316
 317
 318
 319
 320
 321
 322
 323
 324
 325
 326
 327
 328
 329
 330
 331
 332
 333
 334
 335
 336
 337
 338
 339
 340
 341
 342
 343
 344
 345
 346
 347
 348
 349
 350
 351
 352
 353
 354
 355
 356
 357
 358
 359
 360
 361
 362
 363
 364
 365
 366
 367
 368
 369
 370
 371
 372
 373
 374
 375
 376
 377
 378
 379
 380
 381
 382
 383
 384
 385
 386
 387
 388
 389
 390
 391
 392
 393
 394
 395
 396
 397
 398
 399
 400
 401
 402
 403
 404
 405
 406
 407
 408
 409
 410
 411
 412
 413
 414
 415
 416
 417
 418
 419
 420
 421
 422
 423
 424
 425
 426
 427
 428
 429
 430
 431
 432
 433
 434
 435
 436
 437
 438
 439
 440
 441
 442
 443
 444
 445
 446
 447
 448
 449
 450
 451
 452
 453
 454
 455
 456
 457
 458
 459
 460
 461
 462
 463
 464
 465
 466
 467
 468
 469
 470
 471
 472
 473
 474
 475
 476
 477
 478
 479
 480
 481
 482
 483
 484
 485
 486
 487
 488
 489
 490
 491
 492
 493
 494
 495
 496
 497
 498
 499
 500
 501
 502
 503
 504
 505
 506
 507
 508
 509
 510
 511
 512
 513
 514
 515
 516
 517
 518
 519
 520
 521
 522
 523
 524
 525
 526
 527
 528
 529
 530
 531
 532
 533
 534
 535
 536
 537
 538
 539
 540
 541
 542
 543
 544
 545
 546
 547
 548
 549
 550
 551
 552
 553
 554
 555
 556
 557
 558
 559
 560
 561
 562
 563
 564
 565
 566
 567
 568
 569
 570
 571
 572
 573
 574
 575
 576
 577
 578
 579
 580
 581
 582
 583
 584
 585
 586
 587
 588
 589
 590
 591
 592
 593
 594
 595
 596
 597
 598
 599
 600
 601
 602
 603
 604
 605
 606
 607
 608
 609
 610
 611
 612
 613
 614
 615
 616
 617
 618
 619
 620
 621
 622
 623
 624
 625
 626
 627
 628
 629
 630
 631
 632
 633
 634
 635
 636
 637
 638
 639
 640
 641
 642
 643
 644
 645
 646
 647
 648
 649
 650
 651
 652
 653
 654
 655
 656
 657
 658
 659
 660
 661
 662
 663
 664
 665
 666
 667
 668
 669
 670
 671
 672
 673
 674
 675
 676
 677
 678
 679
 680
 681
 682
 683
 684
 685
 686
 687
 688
 689
 690
 691
 692
 693
 694
 695
 696
 697
 698
 699
 700
 701
 702
 703
 704
 705
 706
 707
 708
 709
 710
 711
 712
 713
 714
 715
 716
 717
 718
 719
 720
 721
 722
 723
 724
 725
 726
 727
 728
 729
 730
 731
 732
 733
 734
 735
 736
 737
 738
 739
 740
 741
 742
 743
 744
 745
 746
 747
 748
 749
 750
 751
 752
 753
 754
 755
 756
 757
 758
 759
 760
 761
 762
 763
 764
 765
 766
 767
 768
 769
 770
 771
 772
 773
 774
 775
 776
 777
 778
 779
 780
 781
 782
 783
 784
 785
 786
 787
 788
 789
 790
 791
 792
 793
 794
 795
 796
 797
 798
 799
 800
 801
 802
 803
 804
 805
 806
 807
 808
 809
 810
 811
 812
 813
 814
 815
 816
 817
 818
 819
 820
 821
 822
 823
 824
 825
 826
 827
 828
 829
 830
 831
 832
 833
 834
 835
 836
 837
 838
 839
 840
 841
 842
 843
 844
 845
 846
 847
 848
 849
 850
 851
 852
 853
 854
 855
 856
 857
 858
 859
 860
 861
 862
 863
 864
 865
 866
 867
 868
 869
 870
 871
 872
 873
 874
 875
 876
 877
 878
 879
 880
 881
 882
 883
 884
 885
 886
 887
 888
 889
 890
 891
 892
 893
 894
 895
 896
 897
 898
 899
 900
 901
 902
 903
 904
 905
 906
 907
 908
 909
 910
 911
 912
 913
 914
 915
 916
 917
 918
 919
 920
 921
 922
 923
 924
 925
 926
 927
 928
 929
 930
 931
 932
 933
 934
 935
 936
 937
 938
 939
 940
 941
 942
 943
 944
 945
 946
 947
 948
 949
 950
 951
 952
 953
 954
 955
 956
 957
 958
 959
 960
 961
 962
 963
 964
 965
 966
 967
 968
 969
 970
 971
 972
 973
 974
 975
 976
 977
 978
 979
 980
 981
 982
 983
 984
 985
 986
 987
 988
 989
 990
 991
 992
 993
 994
 995
 996
 997
 998
 999
 1000
 1001
 1002
 1003
 1004
 1005
 1006
 1007
 1008
 1009
 1010
 1011
 1012
 1013
 1014
 1015
 1016
 1017
 1018
 1019
 1020
 1021
 1022
 1023
 1024
 1025
 1026
 1027
 1028
 1029
 1030
 1031
 1032
 1033
 1034
 1035
 1036
 1037
 1038
 1039
 1040
 1041
 1042
 1043
 1044
 1045
 1046
 1047
 1048
 1049
 1050
 1051
 1052
 1053
 1054
 1055
 1056
 1057
 1058
 1059
 1060
 1061
 1062
 1063
 1064
 1065
 1066
 1067
 1068
 1069
 1070
 1071
 1072
 1073
 1074
 1075
 1076
 1077
 1078
 1079
 1080
 1081
 1082
 1083
 1084
 1085
 1086
 1087
 1088
 1089
 1090
 1091
 1092
 1093
 1094
 1095
 1096
 1097
 1098
 1099
 1100
 1101
 1102
 1103
 1104
 1105
 1106
 1107
 1108
 1109
 1110
 1111
 1112
 1113
 1114
 1115
 1116
 1117
 1118
 1119
 1120
 1121
 1122
 1123
 1124
 1125
 1126
 1127
 1128
 1129
 1130
 1131
 1132
 1133
 1134
 1135
 1136
 1137
 1138
 1139
 1140
 1141
 1142
 1143
 1144
 1145
 1146
 1147
 1148
 1149
 1150
 1151
 1152
 1153
 1154
 1155
 1156
 1157
 1158
 1159
 1160
 1161
 1162
 1163
 1164
 1165
 1166
 1167
 1168
 1169
 1170
 1171
 1172
 1173
 1174
 1175
 1176
 1177
 1178
 1179
 1180
 1181
 1182
 1183
 1184
 1185
 1186
 1187
 1188
 1189
 1190
 1191
 1192
 1193
 1194
 1195
 1196
 1197
 1198
 1199
 1200
 1201
 1202
 1203
 1204
 1205
 1206
 1207
 1208
 1209
 1210
 1211
 1212
 1213
 1214
 1215
 1216
 1217
 1218
 1219
 1220
 1221
 1222
 1223
 1224
 1225
 1226
 1227
 1228
 1229
 1230
 1231
 1232
 1233
 1234
 1235
 1236
 1237
 1238
 1239
 1240
 1241
 1242
 1243
 1244
 1245
 1246
 1247
 1248
 1249
 1250
 1251
 1252
 1253
 1254
 1255
 1256
 1257
 1258
 1259
 1260
 1261
 1262
 1263
 1264
 1265
 1266
 1267
 1268
 1269
 1270
 1271
 1272
 1273
 1274
 1275
 1276
 1277
 1278
 1279
 1280
 1281
 1282
 1283
 1284
 1285
 1286
 1287
 1288
 1289
 1290
 1291
 1292
 1293
 1294
 1295
 1296
 1297
 1298
 1299
 1300
 1301
 1302
 1303
 1304
 1305
 1306
 1307
 1308
 1309
 1310
 1311
 1312
 1313
 1314
 1315
 1316
 1317
 1318
 1319
 1320
 1321
 1322
 1323
 1324
 1325
 1326
 1327
 1328
 1329
 1330
 1331
 1332
 1333
 1334
 1335
 1336
 1337
 1338
 1339
 1340
 1341
 1342
 1343
 1344
 1345
 1346
 1347
 1348
 1349
 1350
 1351
 1352
 1353
 1354
 1355
 1356
 1357
 1358
 1359
 1360
 1361
 1362
 1363
 1364
 1365
 1366
 1367
 1368
 1369
 1370
 1371
 1372
 1373
 1374
 1375
 1376
 1377
 1378
 1379
 1380
 1381
 1382
 1383
 1384
 1385
 1386
 1387
 1388
 1389
 1390
 1391
 1392
 1393
 1394
 1395
 1396
 1397
 1398
 1399
 1400
 1401
 1

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
27	G01-27	Găng tay y tế loại 280mm	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột chống dính, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, thuận cả 2 tay, không tiết trùng. Công dụng: Dùng trong khám chữa bệnh a. Kích thước: - Bề dày: min 0,1mm - Chiều dài: 280 ±5 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size S: 89±5mm + Size M: 95±5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: min 8,0N + Sau lão hóa: min 7,0N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% c. Lỗ thùng: AQL 1.5	Đôi	64.000
28	G01-28	Găng phẫu thuật tiết trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột ngô chống dính, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, đóng gói tiết trùng từng đôi, tiết trùng bằng khí E.O. Công dụng: dùng trong phẫu thuật, khám chữa bệnh a. Kích thước: - Bề dày: min 0,15mm - Chiều dài: 280 ± 5 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 6,5 : 83±5mm + Size 7: 89±5mm + Size 7.5: 95±5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% c. Lỗ thùng: AQL 1.5	Đôi	164.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
29	G01-29	Găng phẫu thuật tiệt trùng không bột	Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, không bột dùng trong thủ thuật, phẫu thuật Chất liệu và đặc tính: Mủ cao su tự nhiên, Nhám ngón tay và lòng bàn tay, có phân biệt tay trái/phải, cổ tay có se viền, không bột Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, không có thành phần độc hại theo tiêu chuẩn châu Âu REACH (EC) 1907/2006, có hiển thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cản quang, phần miệng túi thiết kế theo kiểu “peel down” thuận tiện cho người sử dụng, găng có phủ polymer để dễ dàng sử dụng, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói. Màu sắc: Trắng Kích cỡ : 6.5-7.0-7.5-8.0 Cân nặng (gram)(+/-0.2) :cỡ 6.5: 8.5gr / cỡ 7.0: 9.0gr / cỡ 7.5: 9.5g r/ cỡ 8.0: 10.0gr Chiều dài : tối thiểu 270mm Chiều rộng (mm) : 83 ± 6 (cỡ 6.5)/89 ± 6 (cỡ 7.0)/95 ± 6 (cỡ 7.5)/102 ± 6 (cỡ 8.0) Độ dày (mm) : ≥ 0.14 (lòng bàn tay), ≥ 0.16 (đầu ngón tay) Lực kéo đứt trước lão hóa : Tối thiểu 12.5N Lực kéo đứt sau lão hóa : Tối thiểu 9.5N Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa : 700% Độ giãn dài khi đứt sau lão hóa : 550% Hàm lượng bột : Tối đa 2 mg/dm² Hàm lượng Protein hòa tan : Tối đa 200 µg/dm²	Đôi	6.000
30	G01-30	Găng sản khoa tiệt trùng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột chống dính, hấp được, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, đóng gói tiệt trùng từng đôi có phân biệt tay trái và tay phải, tiệt trùng bằng khí E.O, không gây kích ứng da. Công dụng: dùng trong khám bệnh sản phụ khoa, các ca bệnh bị nhiễm HIV tránh lây nhiễm a.Kích thước: - Bề dày: min 0,15mm - Chiều dài: 490 ±10 mm - Chiều rộng lòng bàn tay: + Size 7: 89±5mm + Size 7.5: 95±5mm b. Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% c. Lỗ thủng: AQL 1.5	Đôi	300

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
31	G01-31	Túi đựng bệnh phẩm	Nguyên liệu : nhựa PE màu trắng, có đáy nhọn và miệng túi có dây cột, các cỡ 9cm x 17cm	Cái	2.400
32	G01-32	Bao camera nội soi	- Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. - Kích thước: 150 mm x 235cm. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	4.800
33	G01-33	Bao dây đốt điện	- Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. - Kích thước: 7.5cm x 235cm - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	200
34	G01-34	Bao khoan điện	- Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. - Kích thước: 200 mm x 2.2m. - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	600
35	G01-35	Khẩu trang y tế 3 lớp	- Nguyên liệu: - Mặt ngoài là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước; - Mặt trong là vải không dệt Olefin hoặc Polypropylen, không thấm nước; - Lớp giữa là vải lọc (Olefin hoặc Polypropylen) hoặc vải SMS, không thấm nước. Quy cách: 9,5cm x 17,5cm, 3 lớp, có gọng. Màu sắc: xanh dương. Loại: không tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, TCVN 8389-1:2010	Cái	100.000
36	G01-36	Băng đeo tay người lớn	Công dụng: dùng để ghi lại các thông tin quan trọng, để nhận dạng, và được gắn vào cổ tay của bệnh nhân có đầy đủ thông tin: tên bệnh nhân, năm sinh, giới tính, mã số hồ sơ -Chất liệu: PVC. (đổi chất liệu dẻo, bền) -Màu sắc: Xanh, đỏ, hồng, trắng... màu khác tùy chọn. - Kích thước: 24cm x 2.4cm; 17cm x 1.7cm - Bao gồm size: người lớn & trẻ em.	Sợi	90.000
37	G01-37	Áo làm lạnh người bệnh	Chiều dài x chiều rộng của áo là 2,032m x 1,354m (trên 135cm). Áo làm lạnh dùng 1 lần. An toàn cho bệnh nhân : an toàn với MRI,CT,Xray	cái	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
38	G02-01	Băng keo lụa	Băng keo lụa phủ keo Acrylic Chất liệu: vải acetate Kích thước: 2.5cm x 9.14m Trọng lượng keo acrylic: 45g±2g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 Chứng nhận: ISO/CE và FDA	Cuộn	24.000
39	G02-02	Miếng dán có gạc vô trùng	Băng vải không dệt mềm mại, phủ keo Acrylic không gây kích ứng da. Thiết kế hình chữ U Kích thước: 6cm x 8cm Kích thước miếng gạc 2.3 cm x 3.2 cm Chất liệu: vải không dệt, tỉ trọng 25% -35% Keo acrylic, tỉ trọng 15% -25%, trọng lượng keo 35 ± 2 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY/T0471.1-2004, YY/T0471.2-2004, YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 Chứng nhận ISO/CE và FDA	Miếng	2.000
40	G02-03	Băng keo cá nhân	Băng keo cá nhân phủ keo acrylic Kích thước: 72 mm x19 mm Kích thước gạc 23 mm x 12 mm Chất liệu Polyurethane, trọng lượng 58g Keo acrylic, trọng lượng keo 38 ± 2 g/m² Độ bám dính: ≥1.0N/cm Bám dính liên tục ≤2.5 mm sau 30 phút Tiêu chuẩn: YY/T0471.1-2004, YY/T0471.2-2004, YY0148-2006, ISO10993.5-2009, ISO10993.10-2010 Chứng nhận ISO/CE và FDA	Miếng	24.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
41	G02-04	Băng dính film trong, có gạc 100 x 90mm	Băng dính film trong có gạc vô trùng - nền keo Acrylate ít gây dị ứng Không sót keo khi tháo băng Không dính chặt vào vết thương, hạn chế đau khi tháo Thấm nước / dịch từ bên ngoài vết thương, thấm nước bên ngoài lớp gạc giúp BN có thể tắm sau phẫu thuật. Màng phim thoáng khí giúp da thực hiện chức năng trao đổi oxy và độ ẩm hiệu quả cho vết thương bớt đau và mau lành Góc vạt tròn, khó bong tróc Khung viền giấy dễ dàng tháo gỡ và thao tác, không dính găng tay nhân viên y tế, giữ băng luôn căng và phẳng khi dán Kích thước: 100 x 90mm ($\pm 5\%$) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Miếng	8.000
42	G02-05	Băng dính film trong, có gạc 150 x 90mm	Băng dính film trong có gạc vô trùng - nền keo Acrylate ít gây dị ứng Không sót keo khi tháo băng Không dính chặt vào vết thương, hạn chế đau khi tháo Thấm nước / dịch từ bên ngoài vết thương, thấm nước bên ngoài lớp gạc giúp BN có thể tắm sau phẫu thuật. Màng phim thoáng khí giúp da thực hiện chức năng trao đổi oxy và độ ẩm hiệu quả cho vết thương bớt đau và mau lành Góc vạt tròn, khó bong tróc Khung viền giấy dễ dàng tháo gỡ và thao tác, không dính găng tay nhân viên y tế, giữ băng luôn căng và phẳng khi dán Kích thước: 150 x 90mm (25 miếng/hộp) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Miếng	1.600
43	G02-06	Băng dính có film trong, có gạc vô trùng 200 x 90mm	Băng dính film trong có gạc vô trùng - nền keo Acrylate ít gây dị ứng Không sót keo khi tháo băng Không dính chặt vào vết thương, hạn chế đau khi tháo Thấm nước / dịch từ bên ngoài vết thương, thấm nước bên ngoài lớp gạc giúp BN có thể tắm sau phẫu thuật. Màng phim thoáng khí giúp da thực hiện chức năng trao đổi oxy và độ ẩm hiệu quả cho vết thương bớt đau và mau lành Góc vạt tròn, khó bong tróc Khung viền giấy dễ dàng tháo gỡ và thao tác, không dính găng tay nhân viên y tế, giữ băng luôn căng và phẳng khi dán Kích thước: 200 x 90mm (25 miếng/hộp) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Miếng	800

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
44	G02-07	Băng thun 3 móc cỡ 10cm x 9 m	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Băng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Băng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có 3 móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Kích thước: 10cm x 9m (chiều dài kéo giãn tối đa 9m)	Cuộn	24.000
45	G02-08	Băng keo có gạc vô trùng trong suốt 60 x 80mm	Film Polyurethan có độ đàn hồi cao Lớp gạc vô trùng Keo acrylic độ dính cao phù hợp cho da nhạy cảm Kích thước 6 cm x 7 cm Tiêu chuẩn ISO/CE/ FDA	Miếng	2.000
46	G02-09	Băng chỉ thị cho dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước 18mm x 55m	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng trong máy hấp ướt đi kèm chỉ thị. Không chứa chì Độ dày: 0.14mm, độ bám dính 19N /25mm, sức căng: 87N / 25mm, độ giãn: 7% Kích thước 18mm x50m Chuyển từ màu xanh sang đen hoặc nâu Đạt tiêu chuẩn ISO 11140-1 Nhóm 1, ISO 13485:2016 & ISO EN 13485:2016	Cuộn	160
47	G02-10	Giấy tẩm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước	Que thử hóa học đa thông số dùng trong máy tiệt khuẩn nhiệt độ cao không có than chì và độc tố . An toàn và thân thiện với môi trường. Màu thay đổi từ trắng sang đen trong 3 phút ở 134 °C hoặc 8 phút ở 121 °C. Kích thước: 142mm x 15mm. Hạn sử dụng: 5 năm Test chỉ thị hóa học Browne được phân loại theo ISO 11140-1 nhóm 4, ISO 13485:2016 & ISO EN 13485:2016	test	20.000
48	G02-11	Que giấy chỉ thị hóa học nhóm 4, 2 thông số 1,5cm x 20cm	Chỉ thị màu không độc, an toàn cho người sử dụng và dụng cụ y tế. Kết quả dễ nhận biết Do lường 2 thông số của quá trình tiệt khuẩn (thời gian-nhiệt độ) có đạt yêu cầu hay không. Kích thước: 1.8cm x 21cm (200 que/hộp) Tiêu chuẩn chất lượng: ISO,CE	Que	6.000
49	G02-12	Băng dán chỉ thị cho máy hấp nhiệt độ thấp	Băng keo dùng trong máy tiệt khuẩn Hydrogen Peroxide có chỉ thị màu để nhận biết dụng cụ đã được tiệt khuẩn Chuyển từ màu hồng sang màu cam/ vàng hay sáng hơn Kích thước: 19mm x 55m Đạt tiêu chuẩn ISO 11140-1 Nhóm 1, chứng nhận CE, FDA, ISO 13485:2016	cuộn	20

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
50	G02-13	Chi thị hóa học cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	Que chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn hydrogen Peroxide , đảm bảo kiểm tra nồng độ hydrogene peroxide trong mỗi gói dụng cụ trong quá trình khử khuẩn , dùng để phân biệt giữa dụng cụ đã khử khuẩn và chưa khử khuẩn bằng cách thay đổi que thử từ màu đỏ tươi/hồng sang màu cam vàng. Kích thước: 70mmx22mm Đạt tiêu chuẩn ISO 11140-1, FDA, Chứng nhận CE, ISO 13485:2016	hộp	20
51	G02-14	Túi ép dùng để dễ đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 100mmx70m	Kích thước 100mmx 70m Sự thay đổi màu sắc sau khi hấp tiệt khuẩn Plasma bằng công nghệ H2O2: Chuyển từ màu đỏ sang màu vàng - Chất liệu: gồm giấy 65gr và film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Giấy y tế đặc biệt, không độc, không chứa chì chì thị, không tơ sợi, thân thiện với môi trường - Nhiệt độ từ 50-55 oC thời gian tùy theo chu trình là 50 – 75 Phút	cuộn	40
52	G02-15	Túi ép dùng để dễ đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 150mmx70m	Kích thước 150mmx 70m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Sự thay đổi màu sắc sau khi hấp tiệt khuẩn Plasma bằng công nghệ H2O2: Chuyển từ màu đỏ sang màu vàng - Chất liệu: gồm giấy 65gr và film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Giấy y tế đặc biệt, không độc, không chứa chì chì thị, không tơ sợi, thân thiện với môi trường - Nhiệt độ từ 50-55 oC thời gian tùy theo chu trình là 50 – 75 Phút	cuộn	40
53	G02-16	Túi ép dùng để dễ đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 200mmx70m	Kích thước 200mmx 70m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Sự thay đổi màu sắc sau khi hấp tiệt khuẩn Plasma bằng công nghệ H2O2: Chuyển từ màu đỏ sang màu vàng - Chất liệu: gồm giấy 65gr và film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Giấy y tế đặc biệt, không độc, không chứa chì chì thị, không tơ sợi, thân thiện với môi trường - Nhiệt độ từ 50-55 oC thời gian tùy theo chu trình là 50 – 75 Phút	cuộn	20
54	G02-17	Túi ép dùng để dễ đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 250mmx70m	Kích thước 250mmx 70m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Sự thay đổi màu sắc sau khi hấp tiệt khuẩn Plasma bằng công nghệ H2O2: Chuyển từ màu đỏ sang màu vàng - Chất liệu: gồm giấy 65gr và film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Giấy y tế đặc biệt, không độc, không chứa chì chì thị, không tơ sợi, thân thiện với môi trường - Nhiệt độ từ 50-55 oC thời gian tùy theo chu trình là 50 – 75 Phút	cuộn	50
55	G02-18	Túi ép dùng để dễ đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 300mmx70m	Kích thước 300mmx70m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Sự thay đổi màu sắc sau khi hấp tiệt khuẩn Plasma bằng công nghệ H2O2: Chuyển từ màu đỏ sang màu vàng - Chất liệu: gồm giấy 65gr và film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Giấy y tế đặc biệt, không độc, không chứa chì chì thị, không tơ sợi, thân thiện với môi trường - Nhiệt độ từ 50-55 oC thời gian tùy theo chu trình là 50 – 75 Phút	cuộn	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
56	G02-19	Túi ép tiệt trùng dẹt dạng cuộn 150mm x 200m	Kích thước 150mmx200m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Chất liệu: gồm giấy 70gr và nhựa chịu được nhiệt 121oC - 140oC - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Lớp màng film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Thích hợp cho cả 3 qui trình tiệt trùng: + hơi nước: từ màu Hồng -> Nâu đậm + khí EO: Xanh -> Nâu Vàng + khí Form: Đỏ -> Xanh lá	Cuộn	50
57	G02-20	Túi ép tiệt trùng dẹt dạng cuộn 200mm x 200m	Kích thước 200mmx200m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Chất liệu: gồm giấy 70gr và nhựa chịu được nhiệt 121oC - 140oC - Giấy y tế của hãng "ARJO WIGGINS" - PHÁP, màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Lớp màng film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Thích hợp cho cả 3 qui trình tiệt trùng: + hơi nước: từ màu Hồng -> Nâu đậm + khí EO: Xanh -> Nâu Vàng + khí Form: Đỏ -> Xanh lá	Cuộn	25
58	G02-21	Túi ép tiệt trùng dẹt dạng cuộn 250mm x 200m	Kích thước 250mm x 200m có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Chất liệu: gồm giấy 70gr và nhựa chịu được nhiệt 121oC - 140oC - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Lớp màng film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Thích hợp cho cả 3 qui trình tiệt trùng: + hơi nước: từ màu Hồng -> Nâu đậm + khí EO: Xanh -> Nâu Vàng + khí Form: Đỏ -> Xanh lá	Cuộn	90
59	G02-22	Túi ép phồng tiệt trùng 300x100mm	Kích thước 300 x 100mm có chứng nhận CE, ISO được in dọc theo 2 mép hàn túi. - Chất liệu: gồm giấy 70gr và nhựa chịu được nhiệt 121oC - 140oC - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Lớp màng film dày PET dày 12 µm và PP dày 40 µm - Thích hợp cho cả 3 qui trình tiệt trùng: + hơi nước: từ màu Hồng -> Nâu đậm + khí EO: Xanh -> Nâu Vàng + khí Form: Đỏ -> Xanh lá	Cuộn	16
60	G03-01	Dung dịch rửa vết thương	Polyhexamethylene biguanide hydrochloride: 0,1% Poloxamer, nước tinh khiết. Chai tối thiểu 500ml	Chai	96

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
61	G03-02	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại, dạng cồn(không rửa lại với nước)	Hoạt chất: Ethanol 50% , Isopropanol 28% , Chlorhexidine digluconate 0,5% . Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo màu, hương liệu. Chai tối thiểu 500ml Đạt tiêu chuẩn EN 1500	Chai	600
62	G03-03	Dung dịch dùng cho rửa tay phẫu thuật	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % . Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu . Chai tối thiểu 500ml. EN 12971	Chai	700
63	G03-04	Dung dịch khử khuẩn bề mặt (dạng lau chùi)	Hoạt chất: Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride 16% , N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 1,5% . Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, chất tạo màu và hương liệu. Đạt hiệu quả diệt khuẩn theo các tiêu chuẩn EN 13727; EN 13697; EN 13624	Lít	600
64	G03-05	Chất tẩy rửa Natri Dichloroisocyanurate dạng khan	- Thành phần: hoạt chất Troclosene Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP, EN 14561	Viên	44.000
65	G03-06	Dung dịch sát khuẩn bề mặt (dạng phun sương)	Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % , Ion Ag 0,005 % . Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 Mycobacterium: EN 14348 Virus: EN 14476 Bào tử: EN 13704	Lít	2.400
66	G03-07	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình dụng cụ y tế	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride 7% , Poly(hexamethylenbiguanide) hydrochloride 1,5% . Hệ enzyme: Protease, Lipase, Amylase. Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate.	Lít	1.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
67	G03-08	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế	Protease subtilisin: 6,5% w/w Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu...	Lít	400
68	G03-09	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế (ngâm 5 phút)	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% , hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Tặng kèm test thử.	Lít	1.200
69	G03-10	Cồn Y tế 70 độ	Cồn Y tế 70 độ	Lít	12.000
70	G03-11	Cồn Y tế 90 độ	Cồn Y tế 90 độ	Lít	600
71	G03-12	Cồn tuyệt đối	Cồn tuyệt đối	Lít	300
72	G03-13	Vôi soda	Vôi soda lime Chai tối thiểu 500g	Chai	160
73	G03-14	Formol	Formol 37%	Lít	800
74	G03-15	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế (ngâm 10 phút)	Glutaraldehyde 2,55 % , hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).	Lít	1.200
75	G03-16	Dung dịch làm sạch, tẩy ố, làm bóng dụng cụ kim loại.	Kem tẩy ố, đánh bóng dụng cụ kim loại. Nước, Glycerol < 10%, Castor Oil < 10%, Silicon dioxide < 30%. Dạng kem đặc. pH = 7 - 9, an toàn cho dụng cụ .	Gam	6.000
76	G03-17	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại (chai xịt)	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride 0,1% , Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride 0,1 % , Ethanol 30% Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu.	ml	30.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
77	G04-01	Bơm tiêm 1cc	Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, Vạch chia dung tích rõ nét. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. -Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, B84	Cái	150.000
78	G04-02	Bơm tiêm 3cc	Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	225.000
79	G04-03	Bơm tiêm 5cc	Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, Vạch chia dung tích rõ nét. I85 - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	500.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
80	G04-04	Bơm tiêm 10cc	Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ml - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	500.000
81	G04-05	Bơm tiêm 10cc áp lực cao (dành cho can thiệp tim mạch)	Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng. Đệm pít-tông (gioăng) kép kín khí và giảm nguy cơ rò rỉ, bằng chất liệu Thermoplastic Elastomer, không Latex, không tương tác thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. - Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. - Dung tích 10cc (tổng dung tích 12cc)	Cái	1.200
82	G04-06	Bơm tiêm 20cc	Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	140.000
83	G04-07	Bơm tiêm 50cc	Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	6.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
84	G04-08	Bơm tiêm 50cc (Bơm tiêm điện)	Ống tiêm dùng cho máy bơm tiêm điện. Chất liệu nhựa y tế cao cấp và có kim - Loại Luer lock. Kích cỡ kim: 23G - Mũi kim được dát nghiêng mặt phẳng 3 chiều giúp tiêm vào da dễ dàng. - Pít tông chuyển động mịn màng cho độ chính xác cao hơn. Đầu Pít tông làm từ cao su. - Vạch chia đậm rõ, dễ đọc, đảm bảo kiểm soát liều lượng và độ chính xác - Hai cánh rộng và chỗ ấn ngón cái trên pít -tông có những gờ nhám giúp cầm ống tiêm chắc chắn và chống trơn trượt - Thể tích tồn lưu chỉ 0,2ml - Không chứa chất DEHP, Không độc hại, không kích ứng, không gây sốt, đã tiệt trùng - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng cho từng sản phẩm. - Hạn sử dụng 5 năm. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Cái	60.000
85	G04-09	Bơm tiêm cân quang 200ml	Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang. - Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: + 1 ống tiêm 200ml đường kính trong 4,11cm, đường kính ngoài 5,51cm, dài 21,8cm làm bằng chất liệu PP trong suốt có piston bằng nhựa ABS với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen; + 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE có đường kính trong 3.95mm; + 1 dây nối áp lực cao dài 150cm bằng PVC với đầu kết nối bằng PC. - Chịu áp lực cao 350psi, đầu kết nối luer lock. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. - Tiệt trùng bằng EO.	Bộ	6.400
86	G04-10	Buồng tiêm dưới da	- Buồng tiêm cố định đặt lâu dài dưới da: + Vỏ bằng titanium. + Đường kính nền: 30mm. + Chiều cao: 11.3mm. + Thể tích trong: 0.6ml. + Cho phép truyền được chất cân quang, cân từ trực tiếp. + Tốc độ truyền tối đa: 5ml/giây. - Catheter cỡ 8F, làm bằng silicone, đầu đóng có van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn, 90 ngày súc rửa một lần và không cần súc rửa bằng Heparin. - Chụp được dưới CT và MRI. - Tiêu chuẩn: FDA, ISO.	Cái	13

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
87	G04-11	Kim lấy máu mao mạch	- Đường kính kim nhỏ: 0.3mm - 28G - Kim bằng Thép không gỉ được vát 3 mặt cắt và phủ Silicon an toàn giúp đâm qua da ít đau. - Mỗi kim đều có nắp đẩy seal kín chỉ mở một lần để đảm bảo vô trùng và an toàn cho người sử dụng. - Nắp đẩy kim hình dạng tròn, dày để ghim đầu kim. - Kim được tiệt trùng bằng chiếu xạ. - Kim kèm bút chuyên dụng có thể điều chỉnh lượng lấy máu và nút tháo kim an toàn cho người sử dụng. - Kim đạt tiêu chuẩn CE; CFS; ISO	Cái	84.000
88	G04-12	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ	Kim các số G18, G20, G23, Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	600.000
89	G04-13	Kim bướm 25Gx3/4	Ống dây truyền dài 300mm, sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Cái	200
90	G04-14	Kim luồn tĩnh mạch số 18, 20, 22	- Kim được làm từ thép không gỉ. Đầu kim vát 3 mặt. Phần thân được làm bằng chất liệu nhựa y tế, có cánh có cổng tiêm. - Có 4 đường cản quang ngầm & lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Nắp Luer lock để ngăn chặn các ống thông khi không sử dụng. - Khóa luer ở đuôi ống catheter kết nối với mọi loại khóa 3 chạc, Cỡ kim 18G/20G/22G. - Tốc độ dòng chảy khác nhau tùy thuộc vào kích cỡ kim, Kích thước đạt tiêu chuẩn quốc tế. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC	Cái	240.000
91	G04-15	Kim luồn tĩnh mạch số 24	- Kim được làm từ thép không gỉ. Đầu kim vát 3 mặt. Phần thân được làm bằng chất liệu nhựa y tế, có cánh có cổng tiêm. - Có 4 đường cản quang ngầm & lưu được trong mạch máu đến 72 giờ. Nắp Luer lock để ngăn chặn các ống thông khi không sử dụng. Khóa luer ở đuôi ống catheter kết nối với mọi loại khóa 3 chạc. - Cỡ kim 16G/24G. Tốc độ dòng chảy khác nhau tùy thuộc vào kích cỡ kim, Kích thước đạt tiêu chuẩn quốc tế. - Thời hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC	Cái	20.000
92	G04-16	Kim số 18 nòng sắt dùng trong can thiệp tim mạch	- Kim chọc động mạch theo phương pháp seldinger làm bằng thép không gỉ - Đường kính 18G (1.3 mm), dài 70 mm. - Thiết kế đầu chọc thon nhọn, giúp dễ dàng luồn dây dẫn có đường kính 0.035" (0.089 mm) vào lòng kim. - Khóa cố định Luer - Đóng gói riêng lẻ, tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	Cái	200

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
93	G04-17	Kim chọc dò số 14	- Kim luôn loại tĩnh mạch ngoại biên dạng không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), đầu catheter dạng SL, thuận mượt ôm chặt thân kim. Có cản quang. - Thời gian lưu kim 72h. - Kích cỡ: 14G x 2" (51mm), đ.kính ngoài/đ.kính trong: 2.17mm/1.73mm. Lưu lượng dòng chảy (ml/min): 305 - Tiệt trùng bằng phương pháp chùm tia điện tử.	Cái	1.000
94	G04-18	Kim gây tê tủy sống	- Kim gây tê tủy sống loại Quincke (3 mặt vát), đạt chuẩn ISO/CE, mặt vát chính 16 ± 1 độ, 2 mặt vát bên 35 ± 4 độ - Kim bằng thép không gỉ SUS 304, không chứa chất gây sốt (pyrogenic) - Cánh (Polypropylene) lớn, có thể tháo rời, hỗ trợ cầm kim chắc hơn - Chuôi kim (Polycarbonate) trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Đủ các size chần lẻ từ 16G - 27G. Chiều dài 90mm (3 1/2"). - Tiệt trùng EO - Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	6.000
95	G04-19	Bộ gây tê ngoài màng cứng tủy sống	Kim G18 dài 3 1/4", kim gây tê tủy sống G27 Chuôi kim trong suốt, dài từ 80 mm, được đánh dấu chia vạch Nguyên liệu catheter bằng polyamid không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cản quang ngầm, 3 lỗ thoát thuốc Đầu nối catheter dạng nắp bật Có syringe giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng dễ dàng và chính xác Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn	Cái	50
96	G04-20	Kim để đo huyết áp động mạch xâm lấn	Kích cỡ: 20G dài 4.5cm hoặc 8cm (đặc biệt cỡ 20G x 4.5cm chuyên dụng đặt đường quay). Thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gãy gập khi lưu lâu Tốc độ dòng 20G x 4.5cm (23ml/phút), 20G x 8cm (18ml/phút) *Đóng gói đầy đủ phụ kiện +Guide wire đầu thẳng 0.021"x 20cm luôn sẵn trong catheter + Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm +Bơm tiêm 2.5cc	Cái	600

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
97	G04-21	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn (cổng tròn)	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn - Chất liệu: bằng PVC Cấu tạo: - Dây truyền dịch dài khoảng 150cm, đầu truyền dịch hình chữ J - 1 bộ cảm ứng đo áp lực kèm dây cáp dài khoảng 34,5cm và cổng zero - Dây nối với người bệnh có vị trí lấy mẫu máu hoặc cổng lấy mẫu máu kín (M-stopcock) - Có dây nối phụ phân biệt màu: xanh (tĩnh mạch), đỏ (động mạch) + Áp lực đo từ -30 → 300mmHg + Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CFS/ISO/ CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Bộ	500
98	G04-22	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn(cổng vuông)	Bộ đo áp lực động mạch xâm lấn 1 đường 2 trong 1 với dây nối phụ - Thông số cảm biến: + Bảo vệ quá áp 6464mmHg, thời gian hoạt động: 168 giờ - Dây đo và dây truyền dịch nguyên liệu PVC cao cấp, không DEHP + Dây đo ID=1.6mm, OD=3.2mm (Người lớn), ID=1.0mm, OD=2.5mm (Trẻ em) gồm 2 đoạn: đoạn chính (màu đỏ) dài 180cm và đoạn dây nối phụ (màu xanh) dài 150cm. Dây chính kèm 2 khóa 4 ngã + Dây truyền dịch ID=2.9mm, OD= 4.1mm, dài 180cm, buồng nhỏ giọt 60mm, màng lọc 15micron. - Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg $\pm 1\%$. Áp suất hoạt động: -30 đến 300 mmHg. Phi tuyến tính và độ trễ: ± 1mmHg. Trở kháng đầu ra: 270-330 ohms. Độ trễ tại 0 ≤ 2mmHg/8 giờ - Cung cấp cáp nối tương thích với monitor mà bệnh viện đang sử dụng. - Các cỡ người lớn và trẻ em - Đóng gói tiệt trùng EO	Bộ	100
99	G04-23	Kim nha	- Mũi kim sắc bén cắt giảm thiểu cảm giác đau và khó chịu cho bệnh nhân. - Đốc kim bằng chất liệu PP (Polypropylen), răng khóa xoắn ốc, chắc chắn khi vặn vào ống tiêm. Có hình ảnh mũi tên chỉ báo mặt vát kim. - Kim bằng thép không gỉ, có độ bền cao khó gãy ngay cả khi bệnh nhân vùng vẫy dữ dội. - Được đóng gói riêng biệt từng cái trong vỏ nhựa đảm bảo sự vô trùng. - Cỡ kim 27G, dài 21mm - 30mm - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Cái	5.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
100	G04-24	Dây truyền dịch 20 giọt/ml	- Kích thước kim: 21G - Kim tiêm chất lượng cao giúp giảm thiểu cảm giác đau khi luồn kim. - Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh không có gờ, sản xuất từ vật liệu thép không gỉ và có nắp dây bảo vệ. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Điều chỉnh được chính xác 20 giọt/ml. Buồng nhỏ giọt và ống nhỏ giọt có thiết kế màng lọc dịch và trong suốt dễ quan sát theo dõi đếm giọt. - Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. Kim nút chai làm từ nhựa ABS nguyên sinh. - Chiều dài dây dẫn 150cm. Chiều dài tổng thể 170cm.. - Van khóa điều chỉnh và kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Con lăn di chuyển linh hoạt để chỉnh giọt và hiệu quả đảm bảo dòng chảy liên tục. - Không độc hại, không có chất gây sốt - Tiệt trùng EO và đóng gói riêng cho từng sản phẩm. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016	Cái	260.000
101	G04-25	Dây truyền dịch 60 giọt/ml	Dây truyền dịch loại 60 giọt, không có chất độc tố. Có bộ điều chỉnh giọt chính xác, cổng bơm thuốc chữ Y không chứa Latex, khóa bấm chặn dòng dịch truyền tức thì trong trường hợp khẩn cấp được làm từ nhựa ABS, đầu nối khóa dạng (slip lock), đầu nhọn thông khí nhằm tối đa hóa tốc độ dòng chảy, Màng lọc khí 0.2µm tại van thông khí, không có kim tiêm, dây dài 180cm. Đóng gói từng bộ, một mặt dùng chất liệu CPP và một mặt giấy lọc khuẩn, nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng. - Tiệt trùng bằng EO gas. - Sản phẩm phù hợp với ISO 8536-4 - Sản phẩm đạt chứng nhận CE Marking - Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN-ISO 13485:2016	Cái	200

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
102	G04-26	Dây truyền máu	Bộ dây truyền máu có kim 18G, không có chất độc tố - Đầu kim, ống gắn kết với túi máu làm từ chất liệu nhựa ABS nguyên sinh rất an toàn khi sử dụng. - Có khoá điều chỉnh giọt linh hoạt đạt hiệu quả đảm bảo dòng chảy đều, sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Đầu kim tiêm sắc nhọn vát 3 cạnh không có gờ sản xuất từ vật liệu cao cấp (thép không gỉ). - Cổng tiêm thuốc an toàn chữ Y, Có bầu 2 ngăn chiều dài bầu 110 mm trong suốt - Lưới lọc 200 µm đảm bảo máu không bị vón cục khi truyền . - Dây truyền làm từ nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng. - Đóng gói từng bộ (một mặt giấy, một mặt trong suốt) nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng. - Sản phẩm phù hợp với ISO 1135-4 - Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN-ISO 13485:2016	Cái	8.000
103	G04-27	Catheter động mạch đùi có đầu nhận cảm biến áp lực và nhiệt độ	- Được dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn - Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi - Có nòng thứ hai để đo huyết áp động mạch - Chất liệu được làm bằng Polyurethane - Đường kính vòng ngoài: 5F - Chiều dài sử dụng: 200mm - Đặc tính và chiều dài của dây dẫn: Đường kính 0,53 mm/ chiều dài 600mm - Đường kính và chiều dài của kim dẫn: + Đường kính 18G/ chiều dài 80 mm + Đường kính 20G/ chiều dài 55 mm - Que nong mạch: Đường kính ngoài 1,8 mm	Bộ	
104	G04-28	Khoá 3 ngã không dây	- Làm từ nhựa y tế cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế. Không chứa Latex, phần thân chính trong suốt làm từ nhựa Polycarbonate. - Màu sắc: xanh dương - Loại không có dây nối. Có khóa Xoay 360 độ - Chịu áp lực lên đến 300kPa (45psi). Thể tích đuôi khí 0.22ml. - Mũi tên màu được mã hóa chỉ hướng dòng chảy - Xoay khóa Luer Lock để kết nối chắc chắn; - Cấu tạo gồm có: Buồng van, van mircodrop, nắp khóa Luer lock, nắp bảo vệ - Chức năng: Sử dụng với thiết bị truyền dịch, truyền máu. Dùng một lần, vô trùng và không gây sốt. - Không chứa chất DEHP . Tiệt trùng bằng khí EO. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC	Cái	500



STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
105	G04-29	Khóa 3 ngã có dây 25 cm	- Khóa ba ngã có dây nối một đầu và đầu kia có kết nối với khóa luer lock rất chặt. - Thân khóa được làm từ nhựa Polycarbonate. - Ống dây mềm, trong suốt và có sức bền cao ngay nơi tiếp giáp làm cho dòng chảy không bị tắc nghẽn. - Áp suất được kiểm tra bằng khí động học và thủy tĩnh học lên đến 300kPa (45psi). - Khóa xoay 360 độ. Trong khóa ba ngã có mũi tên đánh dấu nhằm chỉ hướng của dòng chảy. - Ống kết nối: ID: 3.0 mm và OD: 4.0 mm - Sản phẩm không chứa chất DEHP. Không chứa latex . - Tiệt trùng bằng khí EO chỉ sử dụng một lần. - Xoay vặn để khóa luer lock - Chiều dài ống 25cm. - Sản phẩm vô trùng chỉ sử dụng một lần. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; EC	Cái	24.000
106	G04-30	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	- Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy - Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PiCCO - Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt để dàng kiểm tra - Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS - Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh > 2ml/s) - Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài 150cm - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide	Bộ	15
107	G04-31	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây dài 75cm , đường kính 2.9mm - 3.9mm, Được làm từ vật liệu nhựa y tế cao cấp trong suốt 2 đầu dây có khóa vặn xoắn luer lock. Dây chống xoắn. Không có chất DEHP, Không chứa latex thân thiện với môi trường. Đóng gói từng sợi riêng lẻ, một mặt dùng chất liệu CPP và một mặt giấy lọc khuẩn, nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát và thoát khí EO rất an toàn trước sử dụng Tiệt trùng bằng EO gas. - Sản phẩm phù hợp với ISO 8536-4 - Sản phẩm đạt chứng nhận CE Marking - Hệ thống QMS của sản phẩm đạt EN-ISO 13485:2016	Cái	35.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
108	G04-32	Que thử đường huyết mao mạch	- Phạm vi đo: 10-600 mg/dL hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn Hematocrit: 0%-70% (dây đo rộng thuận tiện cho các bệnh nhân có tỉ lệ tế bào hồng cầu quá thấp hoặc quá cao) - Đo được 4 loại máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh. - Thời gian đo: ≤5 giây. Mẫu máu đo: ≤ 0,6μL (Lượng máu thử rất ít) - Có thể thêm máu trong vòng 30s nếu mẫu máu chưa đủ. - Sử dụng men thử FAD GDH, chỉ đo đường glucose trong máu, không đo các loại đường khác (maltose, galactose) không bị ảnh hưởng bởi nồng độ Oxy - Sau khi mở nắp sử dụng được đến hết ngày ghi trên hộp. - Đáp ứng cả 2 tiêu chuẩn ISO 15197:2003 và EN ISO 15197:2013, độ chính xác đạt 99% so với phòng xét nghiệm.	test	92.000
109	G04-33	Dome đo áp lực	Dome đo huyết áp xâm lấn dùng can thiệp mạch vành dùng được trong IBP, niệu, lọc máu. Tương thích flush device 3ml/ h Chất liệu không có latex, khớp nối khô ráo không có chất lỏng giữa cảm biến và dome. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
110	G05-01	Ống nội khí quản có bóng dùng một lần	Được sản xuất bằng nhựa PVC không độc tố, không gây ảnh hưởng đến bệnh nhân. Đầu ống phù hợp với dây nối 15mm	Cái	10.000
111	G05-02	Ống nội khí quản có bóng dùng một lần (đường mũi)	Được sử dụng để đặt nội khí quản mũi. Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại. Tiệt trùng, đóng gói riêng lẻ từng túi.	Cái	200
112	G05-03	Ống nội khí quản có bóng dùng một lần (đường miệng)	Ống nội khí quản cong miệng Vật liệu PVC nhạy nhiệt, không độc tố, thân có đường cản quang, có vạch đánh dấu chiều dài Bóng mềm, loại SVLP (thể tích tiêu chuẩn, áp lực thấp), dây bơm bóng mềm, chống xoắn, có in thông tin cỡ ống. Mặt vát đầu xa 38 độ, được bo tròn, trơn nhẵn, mặt bên có lỗ murphy cũng được mài nhẵn mịn. Đầu gần có co nối chuẩn 15mm * Các size từ 4.0 – 9.0, OD từ 4.2-13.3mm, dài ống từ 160-350mm, đường kính bóng từ 12-27mm * Tiệt trùng EO * Tiêu chuẩn ISO/CE	Cái	200
113	G05-04	Ống nội phế quản 2 nòng	Ống nội phế quản 2 nòng trái/phải Vật liệu PVC nhạy nhiệt, phủ silicone. Không latex, không phthalate. * Phụ kiện: 4 dây hút đàm có van kiểm soát, Stylet phủ nhựa plastic, Co Y, kẹp * 2 bóng mềm mịn thể tích lớn, áp lực thấp, bóng phế quản phải thiết kế hình chữ P * Các kích cỡ: 24, 26, 28, 32, 35, 37, 39, 41, chiều dài ống từ 330 - 419mm, đường kính bóng khí quản từ 14 - 32mm, đường kính bóng phế quản từ 12-22mm * Tiêu chuẩn ISO/CE	Cái	10
114	G05-05	Ống dẫn lưu màng phổi (ống thông phổi)	Đầu kết nối với nút vặn dễ dàng thuận tiện cho việc kết nối trực tiếp ống thông khí đến phổi. Ống mềm mịn, được làm từ nhựa PVC không độc hại đã qua kiểm dịch, tiệt trùng	Cái	200

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
115	G05-06	Dụng cụ đặt thông đường thở (Airway)	Được làm từ nhựa Polyethylene không độc hại	Cái	3.000
116	G05-07	Bộ súc rửa dạ dày dùng một lần	Làm từ mũ cao su tự nhiên. Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi	Bộ	200
117	G05-08	Ống thông dạ dày có nắp	Được sản xuất từ nhựa PVC, không độc hại, không gây kích ứng. Có nắp đậy. Các size : 6 ; 8 ; 10 ; 12 ; 14 ; 16 ; 18	Sợi	6.000
118	G05-09	Ống thông chữ T	Làm từ cao su tự nhiên. Các ống này đều có dải cân quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang. Phần kết nối có đường kính lớn hơn so với các bộ phận khác	Cái	40
119	G05-10	Ống dẫn lưu ổ bụng mềm các cỡ	Chất liệu PVC y tế. Dẫn lưu ổ bụng, dẫn lưu ngoài. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo.	Cái	2.000
120	G05-11	Ống thông tiểu 1 nhánh	Được sản xuất từ chất đàn hồi silicon 100% tự nhiên không độc hại, không gây dị ứng. Đầu khép kín có hai mắt bên. Thân ống mềm mại trong suốt, đóng gói tiệt trùng. Các số 8,10,12,14,16,18	Cái	600
121	G05-12	Ống thông tiểu 2 nhánh	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Được đóng gói tiệt trùng trong từng túi riêng lẻ	Cái	10.000
122	G05-13	Ống thông tiểu 3 nhánh	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên và được tráng qua silicon. Có van cao su. Được đóng gói trong từng túi riêng lẻ	Cái	250
123	G05-14	Ống thông hậu môn	Chất liệu: PVC, không độc hại, không gây kích ứng. Thân ống mềm mại, trong suốt. Hầu hết các ống này đều có dải cân quang nằm dọc thân ống để dễ dàng xác định khi chụp X quang. Tiệt trùng bằng khí OE. Kích thước: Số 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30	Cái	100
124	G05-15	Mask khí dung người lớn	Được làm từ chất liệu nhựa PVC. Kẹp mũi điều chỉnh được. Mask với 2 dây đeo đàn hồi và ống dài 2m. Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi	Cái	30.000
125	G05-16	Dây oxy 1 nhánh	Được sản xuất từ nhựa PVC y tế, dây mềm có chiều dài 400 mm, một đầu dây được gắn với co nối, đầu còn lại được bo tròn. Có 04 cặp lỗ nằm đối xứng hai bên thành ống dây, cách đầu bo một khoảng lần lượt là 10mm, 20mm, 30mm, 40mm. Mỗi dây được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO	Sợi	6.000
126	G05-17	Dây oxy 2 nhánh	Tốc độ dòng chảy cho các ống khoảng 0.5-4 lít mỗi phút. Chiều dài: 2m, Đóng gói riêng biệt, tiệt trùng. Nguyên liệu nhựa y tế, bề mặt mềm mại và mịn màng không có cạnh sắc nét	Sợi	40.000
127	G05-18	Dây garo (dây thắt mạch)	Chất liệu: Thun cotton màu xanh Đặc điểm: Băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc	Cái	2.400
128	G05-19	Dây hút đàm có khoá	Làm từ chất liệu nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế. Đầu ống được mở ra với hai mắt bên. Chiều dài tiêu chuẩn: 50cm. Phân loại: dây hút đàm có khóa.	Cái	80.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
129	G05-20	Bộ hút đàm kín	Bộ hút đàm kín đóng gói vô trùng, sử dụng 72h. Catheter hút đàm, PVC, không Latex, không DEHP, đầu tròn, mềm, giúp giảm tổn thương; mặt bên có 2 lỗ hút đối diện nhau, thân có vạch đánh dấu chiều dài. - Bên ngoài catheter có vỏ bọc nhựa mềm trong suốt, đảm bảo hệ thống hút kín an toàn, dễ theo dõi. - Đầu catheter có van nhân, để kiểm soát quá trình hút đàm. - Dây súc rửa và dây bơm thuốc (MDI) - Mã hóa màu theo kích cỡ * Co nối T, xoay được - Bên trong co nối có van chân không, tự động rửa đầu catheter sau khi hút. * Linh kiện: dụng cụ wedge 2in1 (ngắt co nối và làm nắp đậy ống khí quản) * Các cỡ 5 (1.65mm)-6 (2.00mm)-7 (2.30mm)-8 (2.67mm)-10 (3.33mm)-12 (4.00mm)-14(4.67mm)-16FG (5.33mm), dài 45-55cm * Tiêu chuẩn ISO/CE	Cái	20
130	G05-21	Dây máy thở sử dụng một lần không bẫy nước	Bộ dây gây mê co giãn bao gồm: Khử nối luer lock góc 90 độ : 01 chiếc - Co nối Y có 2 cổng lấy mẫu có nắp : 01 chiếc - Ống dây vật liệu PP đường kính 22mm (người lớn), 15mm(trẻ em). Chiều dài co giãn 160cm, chiều dài gấp lại 68cm: 02 đoạn - Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc - Tiêu chuẩn ISO hoặc CE, CFS UK	Cái	300
131	G05-22	Dây máy thở sử dụng một lần có bẫy nước	- Chất liệu: Nhựa PP y tế. - Chiều dài dây: 1.8m - 1 đoạn dây nối khoảng 45cm , 1 co nối thẳng 22mm. - Có 2 bẫy nước, có cổng đo CO2 - Chống tắc nghẽn và độ trong suốt cho phép hình dung rõ ràng về chất lỏng - Kích cỡ cổng kết nối thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. - Dùng để dẫn khí thở từ máy thở, máy gây mê tới bệnh nhân, sử dụng cho bệnh nhân thông khí nhân tạo. - Đã tiệt trùng. Đóng gói riêng cho từng sản phẩm.	Cái	700

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
132	G05-23	Bộ dây thở 2 bể nước silicone người lớn	Cấu hình bao gồm - 04 Dây silicone, dài 60cm - 02 Bể nước dùng nhiều lần - 01 Co nối chữ Y - 02 Co nối chữ Ø22 - 01 Bộ co nối thẳng cho toàn hệ thống - 01 catheter mount - 01 Dây áp lực	Cái	500
133	G05-24	Bộ gây mê giúp thở cho hệ thống Jackson Rees	Người lớn 22mm, trẻ em 15mm Vật liệu : Ống dây gọn sóng , túi thở latex, ABS, PP, van APL-ABS, PP, PS Bộ gồm: Dây thở 1.8m, túi thở 2L (NL), 0.5L (TE), và van APL tối đa 60cmH2O (NL), 40cmH2O (TE) * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	60
134	G05-25	Bộ dây máy thở HFNC dùng cho máy Comen	Bộ bao gồm : 01 đoạn 60 Nối bình Làm ấm khí thở 01: Dây thở có điện nhiệt 11Ω 01 Bình làm ấm khí thở 500mL Đầu nối hai lỗ, Đầu nối 26mm cái / 22mm cái, cao 34 mm 01 Canula	Bộ	70
135	G05-26	Bộ dây máy thở HFNC dùng cho máy AIRVO-2	Bộ bao gồm : 01 đoạn 60 Nối bình Làm ấm khí thở 01: Dây thở có điện nhiệt 11Ω 01 Bình làm ấm khí thở 500mL Đầu nối hai lỗ, Đầu nối 26mm cái / 22mm cái, cao 34 mm 01 Canula	Bộ	70
136	G05-27	Dây hút dịch phẫu thuật dùng 1 lần	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo .Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (TUV)	Sợi	15.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
137	G05-28	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng	Điện cực tạo nhịp tạm thời mang bóng lưỡng cực 5F - Ống thông: bằng chất liệu Polyurethane mềm dẻo, ngăn hình thành huyết khối, không độc tính. - Điện cực và dây ngăn ngừa hình thành xung điện bằng thép không rỉ, chân cắm bằng thép không rỉ và được mạ vàng 2 mm - Điện cực kích thích dài 110 cm. Ống thông có marker cách nhau mỗi 100 mm từ đỉnh để xác định độ sâu và vị trí của điện cực - Chiều dài điện cực: 5 mm, khoảng cách giữa 2 điện cực: 10 mm. - Thể tích bơm bóng tối đa 1 cc - Đường kính bơm phòng bóng định mức 8 mm - Tương thích Introducer 6F - Có kèm theo syringe Omnifix Lock 1,5 cc dùng để bơm bóng - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Cái	70
138	G05-29	Mặt nạ thở oxy có túi	Được làm từ chất liệu nhựa PVC, dùng trong y tế. Túi hơi dùng để dự trữ oxy. Ống hơi được mở an toàn. Mask với dây đeo đàn hồi. Mặt nạ cung ứng một nồng độ oxy cao với ống 2m. Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi	Cái	2.000
139	G05-30	Mặt nạ gây mê người lớn	Mặt nạ trong suốt, làm từ nhựa PVC dùng trong y tế. - Mặt nạ được thiết kế để phù hợp với hoàn hảo cho các cấu trúc khuôn mặt. Phần đệm kín với sự mềm mại vượt trội cung cấp sự thoải mái tối đa cho bệnh nhân. - Đầu kết nối theo tiêu chuẩn quốc tế 22mm - Thiết kế được sử dụng để loại bỏ lây nhiễm chéo giữa các bệnh nhân - Có sẵn trong 5 kích cỡ thích hợp với tầm đầy đủ của bệnh nhân. Phân biệt size theo màu. - Mặt nạ có thể được kết nối với gây mê, máy thở, máy thở oxy, khoang áp suất cao - Thích hợp cho việc sử dụng gây mê, hô hấp và hồi sức. - Không độc hại, độ bền cao - Đóng gói và tiệt trùng từng cái riêng biệt. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC	Cái	200

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
140	G05-31	Mặt nạ gây mê trẻ em	- Mặt nạ trong suốt, làm từ nhựa PVC dùng trong y tế. - Mặt nạ được thiết kế để phù hợp với hoàn hảo cho các cấu trúc khuôn mặt. Phần đệm kín với sự mềm mại vượt trội cung cấp sự thoải mái tối đa cho bệnh nhân. - Đầu kết nối theo tiêu chuẩn quốc tế 22mm - Thiết kế được sử dụng để loại bỏ lây nhiễm chéo giữa các bệnh nhân - Có sẵn trong 5 kích cỡ thích hợp với tầm đầy đủ của bệnh nhân. Phân biệt size theo màu. - Mặt nạ có thể được kết nối với gây mê, máy thở, máy thở oxy, khoang áp suất cao - Thích hợp cho việc sử dụng gây mê, hô hấp và hồi sức. - Không độc hại, độ bền cao - Đóng gói và tiệt trùng từng cái riêng biệt. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC	Cái	40
141	G05-32	Mặt nạ thở không xâm nhập	Mặt nạ miệng/mũi không xâm lấn cho các liệu pháp CPAP/thông khí áp lực đường thở dương hai cấp độ (NIPPV) theo chỉ định của bác sĩ. - Vật liệu: Mask Silicon, khung-đầu nối: Polycarbonate, dây cố định: vải nylon - Thiết kế lắp ráp nhanh, thuận tiện hơn khi tháo/lắp. Ít thành phần, trọng lượng nhẹ - Lỗ thông khí giúp tối đa hóa việc rửa trôi CO₂ và giảm tiếng ồn, có cổng lấy mẫu đo áp suất và ETCO₂ cùng lúc. Có van chống ngạt, tự động mở khi áp suất máy không đạt - Dây cố định điều chỉnh được theo kích thước của mặt người bệnh. - Khoảng chết: 278~340ml, Áp suất hoạt động 5~20cmH₂O - Dùng nhiều lần lên đến 30 lần (hấp tiệt trùng 121 độ) - Kích cỡ: S,M,L - Tiêu chuẩn ISO/CE	Cái	100
142	G05-33	Lọc khuẩn thông thường	Bộ lọc nhiệt, hiệu quả cao của cổng lấy mẫu khí, trọng lượng nhẹ, kháng dòng chảy thấp. Lọc hiệu quả $\geq 99.99\%$, kết nối 22M/15F~15M/22F	Cái	7.000
143	G05-34	Lọc vi sinh cho điều áp hút	Phin lọc vi sinh dành cho máy điều hút - Vật liệu vỏ bọc PP(Polypropylen), màng lọc khí - Hiệu quả lọc 99,999%, kích thước hạt 0,3 micro - Co nối 8.3mm-8.8mm hoặc 8.5mmF-12.7mmF - Áp suất hoạt động tối đa: 20psi, Nhiệt độ hoạt động tối đa 60 độ C - Diện tích lọc hiệu quả: 15.2cm² - Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	1.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
144	G05-35	Ampu giúp thở	- 1 bóp bóng bằng PVC 1630ml cho người lớn, 680ml cho trẻ em và 340ml cho sơ sinh. - 1 Mặt nạ theo size tương ứng, 01 Túi trộn khí Oxy 2000ml cho người lớn, 1600ml cho trẻ em và sơ sinh. - 1 Dây dẫn Oxy 200cm. Có van điều chỉnh áp lực 60 cmH2O cho người lớn. đối với trẻ em và sơ sinh là 40cmH2O. - Các size khác nhau dùng cho các đối tượng khác nhau (người lớn, Trẻ em, sơ sinh). - Ambu bóp bóng bằng tay dùng để hỗ trợ thông khí khi cấp cứu cho bệnh nhân mà không có sự hỗ trợ của các loại máy thở. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC	cái	50
145	G05-36	Bình làm ẩm oxy	Bình tạo ẩm chất liệu nhựa cứng, không độc hại, có nhiều kiểu dáng khác nhau, nút nhựa, nút kim loại, nắp bằng, nắp nổi.	Cái	200
146	G05-37	Điện cực tim	Điện cực tim dùng để kiểm tra điện tâm đồ. -Kích thước 4.3cm x 4.5 cm, Hình Oval. Làm từ vật liệu PE Foam. - Sử dụng phần tử cảm biến Ag/AgCl và Hydro-gel nhằm tạo độ bám dính. Đây là những thành phần tuyệt vời cho việc theo dõi rất nhạy. - Ưu điểm chính của hydro-gel là giảm thiểu các chuyển động bằng cách tăng liên kết giữa da và bộ phận cảm biến. - Điện cực có thể ứng dụng cho hầu hết các lĩnh vực về ECG. - Điện cực cảm biến Ag/AgCl có độ nhạy tốt nhất và các hạt kết dính hydro-gel có trở kháng rất thấp. - Các điện cực dùng một lần chất lượng cao với nút điện cực bằng thép không gỉ. - Cặn bẩn từ bột sẽ không còn sót lại trên da bệnh nhân sau khi sử dụng. - Hạn sử dụng 3 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016/NS-EN ISO 13485:2016; CE	Cái	60.000
147	G05-38	Gel điện tim	Gel điện tim 250 ml được sử dụng trong các điện cực chuẩn đoán kỹ thuật số. Trong quá trình chuyển mạch bất kỳ, cho phép sóng điện cực được chuyển giao giữa các thiết bị một cách nhanh chóng và chính xác. Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa chất dầu, không có chất formaldehyde và muối. Đặc biệt gel không có mùi hôi, không gây độc hại	Chai	25
148	G05-39	Giấy điện tim 80mm x 20m	Kích thước:80mm x 20m thích hợp với tất cả máy đo điện tâm đồ	Cuộn	300
149	G05-40	Giấy điện tim 3 cần 63mm x 30m	Kích thước: 63mm x 30m thích hợp với tất cả máy đo điện tâm đồ	Cuộn	2.000
150	G05-41	Gel siêu âm	Gel siêu âm dùng cho y tế, không dị ứng với da người, tăng rõ nét hình ảnh siêu âm, bảo vệ và chống mài mòn đầu dò siêu âm	Can	160
151	G05-42	Giấy in dành cho máy C-Am	Giấy in dành cho máy C-Am	Cuộn	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
152	G05-43	Lưỡi dao mổ	Chất liệu được làm từ thép carbon với công nghệ sản xuất hiện đại. Lưỡi dao cực kỳ sắc bén với nhiều đầu mũi khác nhau. Lưỡi dao đã được tiệt trùng. Gồm các size: 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22, 23	Cái	20.000
153	G05-44	Bóng gây mê từ 1 lít đến 3 lít	Chất liệu cao su tự nhiên, chứa khí oxy phụ trợ trong việc hô hấp, kích thước 1 lít, 2 lít, 3 lít	Cái	100
154	G05-45	Đề lưỡi gỗ	Sản phẩm được làm bằng gỗ thông, được sản xuất và sấy khô theo quy trình khép kín, có màu gỗ tự nhiên, không qua xử lý hóa chất và được tiệt trùng.	Cái	8.000
155	G05-46	Túi đựng nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	10.000
156	G05-47	Nón nữ tiệt trùng	Chất liệu: vải PP không dệt, Mềm mại, chắc chắn, không dễ rách khi sử dụng. Không gây kích ứng. Có kiểm định nguyên liệu không độc tố. Thun mềm 2 sợi chắc chắn, ôm khít vòng đầu	Cái	24.000
157	G05-48	Bàn chải rửa tay y tế	Thân bàn chải được sản xuất từ nhựa cứng, đầu lông bàn chải mềm để dàng làm sạch các kẽ tay cho kỹ thuật viên trước khi phẫu thuật. Kích thước: 10cm x 4cm	Cái	50
158	G05-49	Tạp dề y tế	Chất liệu: màng nhựa PE, màu xanh Đặc điểm: Tuyệt đối không cho dịch, nước thấm xuyên qua. Thoải mái, dễ chịu, không độc tố, không gây kích ứng. Kích cỡ: 80*120cm.	Cái	12.000
159	G06-01	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 1/0	Chỉ tan tổng hợp 1/0 kim	Tép	4.800
160	G06-02	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tan tổng hợp 2/0 kim	Tép	2.400
161	G06-03	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0	Chỉ tan tổng hợp 3/0 kim	Tép	3.000
162	G06-04	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0	Chỉ số 4/0, kim tròn, dài 20 mm,	Tép	1.200
163	G06-05	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 6/0	Chỉ số 6/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tròn, dài 13 mm,	Tép	200
164	G06-06	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp 3/0, dài 70cm	Tép	100
165	G06-07	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi số 4/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp 4/0, 70cm	Tép	300

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
166	G06-08	Chỉ tự tiêu tổng hợp đơn sợi số 1/0	Chỉ tự tiêu tổng hợp 1/0 , dài 90 cm	Tép	100
167	G06-09	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 1/0, kim tròn 1/2c	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 1, kim tròn, dài 26 mm	Tép	120
168	G06-10	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 1/0, kim tròn đầu tù 3/8c	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 1, kim tròn đầu tù, dài 80 mm	Tép	120
169	G06-11	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 2/0, kim tròn	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 2/0, kim tròn, dài 26 mm	Tép	600
170	G06-12	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 3/0, kim tròn	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 3/0, kim tròn, dài 26 mm,	Tép	600
171	G06-13	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 3/0, kim tam giác	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm,	Tép	160
172	G06-14	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 4/0, kim tròn	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 4/0, kim tròn, dài 26 mm,	Tép	160
173	G06-15	Chỉ tự tiêu tự nhiên đơn sợi số 4/0, kim tam giác	Chỉ tự tiêu đơn sợi số 4/0, kim tam giác, dài 16 mm,	Tép	120
174	G06-16	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 1 /0 có kháng khuẩn	Chỉ phẫu thuật có kháng khuẩn số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C	Tép	2.500
175	G06-17	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 3/0 có kháng khuẩn	Chỉ phẫu thuật có kháng khuẩn số 3/0, dài 70cm, kim tròn 26mm, 1/2C	Tép	600
176	G06-18	Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi số 4/0 có kháng khuẩn	Chỉ phẫu thuật kháng khuẩn số 4/0, dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2C	Tép	600
177	G06-19	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 1, kim tròn	Chỉ (Silk) số 1, kim tròn, dài 26 mm	Tép	200
178	G06-20	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 2/0	Chỉ (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm,	Tép	120
179	G06-21	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 2/0, kim tròn	Chỉ (Silk) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm,	Tép	1.600
180	G06-22	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 3/0	Chỉ (Silk) số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm,	Tép	200
181	G06-23	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 3/0, kim tam giác	Chỉ (Silk) số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm,	Tép	2.400
182	G06-24	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 3/0, kim tròn	Chỉ (Silk) số 3/0, kim tròn, dài 26 mm,	Tép	2.400

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
183	G06-25	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 4/0, kim tam giác 3/8c	Chỉ (Silk) số 4/0, kim tam giác, dài 18 mm,	Tép	240
184	G06-26	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 4/0, kim tròn	Chỉ (Silk) số 4/0, kim tròn, dài 26 mm,	Tép	240
185	G06-27	Chỉ không tiêu tự nhiên đa sợi số 7/0, kim tam giác	Chỉ (Silk) số 7/0, kim tam giác, dài 13 mm,	Tép	240
186	G06-28	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi , số 2/0 kim tam giác	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi 2/0 ,dài 75cm	Tép	100
187	G06-29	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi, số 3/0 kim tam giác	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi 3/0, dài 75cm	Tép	100
188	G06-30	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi số 2/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi 2/0 , dài 90cm	Tép	100
189	G06-31	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi, số 7/0, kim tròn	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi 7/0 , dài 75Ccm	Tép	700
190	G06-32	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 2/0, kim tam giác	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm,	Tép	2.400
191	G06-33	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 3/0, kim tam giác	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 3/0b, kim tam giác, dài 26 mm,	Tép	7.000
192	G06-34	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 4/0, kim tam giác	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 4/0, kim tam giác, dài 19 mm,	Tép	6.400
193	G06-35	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 5/0, kim tam giác	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 5/0, kim tam giác, dài 16 mm,	Tép	1.800
194	G06-36	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 10/0	Chỉ không tiêu tự nhiên đơn sợi số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang, dài 7 mm,	Tép	400
195	G06-37	Chỉ khâu xương bánh chè số 7	Chỉ khâu xương bánh chè số 7, đường kính 120mm, dài 60cm	Tép	480
196	G06-38	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi số 3/0, kim tam giác (loại ngắn)	Chỉ phẫu thuật số 3/0, dài 70cm, kim tam giác 26mm, thân kim 3/8C	Tép	600

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
197	G06-39	Mảnh ghép thoát vị bẹn 10cmx15cm	Lưới điều trị thoát vị bẹn kích thước 10cmx15cm	miếng	240
198	G06-40	Mảnh ghép thoát vị bẹn 6cmx11cm	Lưới điều trị thoát vị bẹn kích thước 6cmx11cm	miếng	240
199	G07-01	Oxy Lông tinh khiết	Oxy Lông	Kg	600.000
200	G07-02	Oxy loại chai 40 lít	Oxygen (chai 40 lít)	Bình	800
201	G07-03	Oxy loại chai 10 lít	Oxygen (chai 10 lít)	Bình	2.000
202	G07-04	CO2 loại chai 10 lít	CO2 loại chai 10 lít	Bình	700
203	G08-01	Que tán sỏi nội soi xung hơi	Que tán sỏi xung hơi , cỡ 0.8mm, dài 570 cm.	Cái	80
204	G08-02	Điện cực đốt cầm máu	Điện cực cắt đốt dạng vòng cắt, gấp góc, cỡ 24 Fr, 06 cái / hộp, loại 02 chân cầm	Cái	40
205	G08-03	Lăn cầm máu	Cây lăn cầm máu	Cái	20
205	G08-04	Dụng cụ cắt đốt xẻ lạnh	Dụng cụ cắt đốt xẻ lạnh	Cái	6
206	G08-05	Rọ lấy sỏi, dị vật, polyp, bệnh phẩm các loại	Mô tả: dùng để lấy sỏi niệu quản. Kích cỡ: 3Fr, dài ≥90cm Chất liệu: Nitinol Tiêu chuẩn kỹ thuật: 4 dây hình xoắn ốc Helical màu xanh, tay cầm màu trắng sử dụng 3 ngón tay có thể tháo rời ra và tái sử dụng lại được. Độ mở dài của rọ chứa: 40mm (đk 12mm), đầu tip 3mm, đạt tiêu chuẩn CE 0124, G7	Cái	150
207	G08-06	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản các loại các cỡ	Mô tả: dùng để dẫn đường trong niệu quản. Kích cỡ: 0.032", 0.035", 0.038", dài 150cm Chất liệu: Durable Nitinol, phủ Hydrophilic Tiêu chuẩn kỹ thuật: Dây dẫn đường mềm màu đen vỏ ngoài màu trắng, Guidewire đầu đặc biệt, thẳng mềm, có in mã vạch trên bao bì sản phẩm, đạt tiêu chuẩn CE 0124, xuất xứ: G7	Cái	100
208	G08-07	Ống thông niệu quản JJ	Mô tả: dùng để đặt nong niệu quản. Kích cỡ: 6,7,8Fr, dài 26cm Chất liệu: làm bằng nhựa (PUR) Polyurethan Tiêu chuẩn kỹ thuật: trơn láng, dễ đặt, đầu mở, hai đầu hình chữ J màu trắng. Cây đẩy màu xanh dương, Các cỡ từ số 6 đến số 8Fr. thời gian đặt lưu trong cơ thể lâu ≥6 tháng, dẫn lưu tốt, không gây kích ứng bệnh nhân, có in mã vạch trên bao bì sản phẩm, đạt tiêu chuẩn CE 0124, xuất xứ: G7	Cái	1.400
209	G09-01	Phim Laser kích thước 25x30cm	Kích thước: tương đương (10x12 inch). - Công nghệ in khô, laser. - Phim chụp laser được phủ lớp nền hỗ trợ polyester màu xanh lam với kích thước xấp xỉ 7 mil. - Phim chụp laser thích hợp với mật độ hình ảnh tối đa dưới 3.3. - Sử dụng tương thích với máy in phim laser hãng Carestream. - Giấy chứng nhận FDA (Mỹ), ISO 13485, CE.	Tám	90.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
210	G10-01	Phim laser kích thước 35x43 cm	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 35cm x 43cm - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser - Tương thích với các dòng máy in phim DRYPIX series. Thân thiện môi trường. Độ dày phim $\geq 85 \mu\text{m}$. - Có giấy phép bán hàng thuộc bản quyền của nhà sản xuất hoặc giấy cam kết đáp ứng hàng hóa của hãng sản xuất - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CE hoặc tương đương	Tấm	70.000
211	G11-01	Bộ quả lọc thay huyết tương dùng cho người lớn	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút	Bộ	90
212	G11-02	Bộ quả lọc máu liên tục dùng cho người lớn	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$ - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	Bộ	240

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
213	G11-03	Bộ quả lọc máu liên tục có chất hấp phụ độc tố	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + PolyethyleneImine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg	Bộ	240
214	G11-04	Túi xả dùng cho lọc máu liên tục	chất liệu nhựa PVC, không độc tố ,có chia vạch ml	Cái	12
215	G12-01	Kim sinh thiết tiền liệt tuyến tự động	Kim sinh thiết tự động. Làm từ thép không gỉ 304, polycarbonate, Polyethylene trọng lượng nhẹ, Polypropylene Homopolymer. Đường kính: 12G, 14G, 16G, 18G, 20G. Chiều dài: 10cm, 13cm, 16cm, 20cm, 25cm, 30cm. Chiều dài mô cắt mẫu 19mm. Độ sâu thâm nhập 15mm hoặc 22mm có thể điều chỉnh. Có thể bơm thuốc tê qua đầu kim. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE và FDA.	Cái	100
216	G12-02	Kim sinh thiết tiền liệt tuyến tự động dùng nhiều lần	Súng sinh thiết tự động dùng nhiều lần, làm từ thép không gỉ 300, 303, đồng, Delrin, Teflon, nhôm, giúp lấy mẫu mô chính xác, ổn định. Có độ dài : 12cm (chưa bao gồm kim). Có thể điều chỉnh độ sâu thâm nhập 15mm hoặc 22mm theo nhu cầu. Độ dài mô cắt lên đến 19mm. Sử dụng với nhiều cỡ kim sinh thiết Magnum có đường kính 12g, 14g, 16g, 18g, 20g và độ dài từ 10, 13, 16, 20, 25, 30cm. Có chứng nhận ISO, FDA và CE.	Cái	2

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
217	G12-03	Catheter đo áp lực động mạch xâm lấn	* Đa dạng kích cỡ: 18G dài 8cm/12cm, 20G dài 4.5cm/8cm (đặc biệt cỡ 20G x 4.5cm thích hợp đặt đường quay). * Bộ catheter 20G thiết kế có sleeve (ống đỡ) ở đầu ra catheter giúp chống gây gập khi lưu lâu và đóng gói dây dẫn nằm sẵn trong catheter . Bộ 18G đóng gói có thêm 1 khóa 3 ngã có dây giúp kết nối dễ dàng, tiện lợi. * Tốc độ dòng 18Ga x 8cm (66.2ml/phút); 18Ga x 12cm (53.3ml/phút) hoặc 20G x 4.5cm (23ml/phút), 20G x 8cm (18ml/phút) * Đóng gói đầy đủ phụ kiện + Guide wire đầu J 0.035" x 50cm hoặc thẳng 0.021" x 20cm + Kim dẫn thẳng 18Ga x 7cm hoặc 20Ga x 4cm + Bơm tiêm 5cc hoặc 2.5cc + Khóa 3 ngã và dao mổ (cho bộ kích cỡ catheter 18G) * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	20
218	G12-04	Catheter 2 nòng đặt TM đùi (Chạy thận)	Catheter lọc máu 2 nòng 12F có van hai chiều, gồm: - Catheter 12F dài 15 hoặc 20cm vật liệu polyurethan cản quang, tương thích sinh học. 12Fx 15cm: thể tích mỗi (A 1.2ml, V 1.3ml). Tốc độ dòng (nòng xa 449 ml/p, nòng gần 384 ml/p) 12Fx 20cm: thể tích mỗi A 1.4ml, V 1.5ml. Tốc độ dòng nòng xa 409ml/p, nòng gần 334 ml/p) - Dây dẫn đầu J 0.038" x 60cm. - 2 cây nong 8Fr x 10cm và 12Fr x 15cm. - Kim Y dẫn đường 18Ga x 7cm - Bơm tiêm 5cc - Dao mổ - Khóa heparin Đóng gói tiệt trùng EO. Không latex * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	900
219	G12-05	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 14Ga, theo phương pháp Seldinger, gồm : - Kim Y dẫn đường 18G x 7cm - Catheter bằng Polyurethane, không latex, thân có cản quang, vạch chia + 14G x 20cm (tốc độ dòng 127ml/phút) + 16G x 20cm (tốc độ dòng 56ml/phút) - Các phụ kiện khác: dây dẫn Nitinol đầu J, cây nong , bơm tiêm, 1 dao mổ, đầu nối phủ Heparin * Đóng gói tiệt trùng EO, không latex * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	18

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
220	G12-06	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4F (20G,22G), 5F (18G,20G), 7F (14G,18G) - Catheter vật liệu polyurethane, có cán quang. - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gấp 0.018"-0.035" - Các phụ kiện khác: Kim dẫn đường thẳng 21G x 4cm hoặc kim Y 18G x 7cm, dao mổ, cây nong, bơm tiêm, cổ định hub - Tốc độ dòng: 4Fx6cm (Nòng xa 15~30 ml/p, nòng gần 10~20ml/p) 5Fx8cm (Nòng xa 25~45ml/p, nòng gần 15~35ml/p) 5Fx13cm (Nòng xa 20~35ml/p, nòng gần 10~25ml/p) 7Fx16cm (Nòng xa 75~100ml/ph, nòng gần 25~40ml/ph) 7Fx20cm (Nòng xa 65~95ml/ph, nòng gần 15~40ml/ph) * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	1.000
221	G12-07	Kim chọc hút tủy xương	* Kim: mũi kim còi, kim soát độ sâu bằng vít trượt với than đo milimet * Ống thông: thép không gỉ AISI304, đầu kim còi * Stylet: thép không gỉ AISI304, đầu còi rút được * Kích thước: 14Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm; 15Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm;; 16Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm;; 18Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm; * Sử dụng 1 lần, Vô trùng EO, không progenic, không latex * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	12
222	G12-08	Bộ catheter cổ hàm dùng trong lọc máu dài hạn	* Catheter đường hầm sử dụng lâu ngày, bằng Carbothane tương thích sinh học, cán quang, tương thích MRI * Đầu tip đối xứng (symetric), tỷ lệ tái tuần hoàn thấp (< 1%), giảm nhiễu loạn dòng chảy, giảm hình thành huyết khối, có thể đảo dòng * Đầu nối bằng PEEK (Polyether Ether Ketone) * Size 15.5Fr, chiều dài tổng 360/400/450/500mm(chiều dài từ cuff đến đầu tip 190/230/280/330mm, chiều dài từ hub đến đầu tip 230/270/320/370mm) * Tốc độ dòng 450ml/phút đi vào máy, 500ml/phút đi vào bệnh nhân tại 250mmHg * Bộ bao gồm: Catheter, cây nong sheath van khóa 16Fr, dây dẫn đầu J nitinol 0.97mm x 700mm, trocar 3.0mm, kim dẫn 18G, cây nong 12Fr, 2 nút chặn kim luồn * Tiệt trùng EO, không Phthalat, không latex * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
223	G12-09	Kim sinh thiết mô mềm các cỡ	* Mục đích: Thiết bị bán tự động sinh thiết mô mềm như Gan/Phôi/Tuyến tiền liệt. * Hệ thống bán tự động loại tru-cut với 2 độ xuyên sâu (10-20mm), trên thân ống có vạch chia độ sâu * Stylet: Thép không gỉ AISI304, được kết nối với hệ thống có rãnh để giữ mẫu vào trong, còi và đầu xuyên thấu. * Có kèm kim dẫn đường * Mã hóa màu theo các kích cỡ kim: 14G đường kính 2,1 mm, 16G đường kính 1,6 mm, 18G đường kính 1,27 mm, 20G đường kính 0,9 mm chiều dài 07-10-15-18-20-25CM * Vô trùng EO, không chứa latex * Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	100
224	G12-10	Kim sinh thiết bán tự động không kèm kim dẫn đường	"Hệ thống sinh thiết PrimoCut sử dụng một lần bán tự động. Hai độ sâu thâm nhập khác nhau là 10 mm hoặc 20 mm có thể được lựa chọn tùy thuộc vào kích thước mong muốn của vật liệu sinh thiết - Vạch đánh dấu độ sâu 1cm trên cannula để dàng xác định độ sâu chọc - Đầu tip sắc bén và an toàn. Tối ưu hóa độ cắt cannula khi thâm nhập vào mô - ngăn chặn sự dịch chuyển mô. - Lồng khoang chứa mẫu mô sinh thiết rộng * Kích cỡ: 16G (1.60mm), 18G (1.2mm). Chiều dài 100mm, 150mm, 200mm - Không latex, không phthalate - Đóng gói vô trùng EO. Tiêu chuẩn ISO hoặc CE	Cái	100
225	G12-11	Túi truyền áp lực	Bao đo áp lực truyền dịch - Vật liệu trong suốt như pha lê cho phép hiển thị tối đa các mức chất lỏng. - Bóng bóp lớn giúp kiểm soát áp suất bơm xả nhanh chóng và đáng tin cậy. - Có khóa 3 ngã ngăn chặn rò rỉ khí. - Bền và dễ dàng làm sạch - Đồng hồ đo áp suất chính xác và dễ đọc - Bộ bao gồm: túi dung tích 500ml, đồng hồ áp kế (dải đo 0-700mmHg, bước nhảy 100mmHg), bóng bóp và khóa 3 ngã - Dùng nhiều lần. Bền và dễ vệ sinh- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE	Cái	100
226	G12-12	Kim sinh thiết lõi số 14 (dùng cho ung bướu) tự động	Hệ thống kim sinh thiết tự động dùng trong thủ thuật sinh thiết mô mềm như thận, gan, tuyến tiền liệt, lá lách, hệ bạch huyết và các khối mô mềm khác. Ba chế độ lấy mẫu: Tự động, Bán tự động, Thủ công. Trọng lượng nhẹ. Thiết kế dùng 1 tay dễ dàng. Rãnh lấy mẫu: 20mm. Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 6cm, 9cm, 11cm, 15cm, 20cm + Độ lớn của kim: 14G, 16G, 18G, 20G. Đạt chứng nhận: ISO, CFS, FDA.	Cái	100

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
227	G12-13	Kim sinh thiết lõi số 14 (dùng cho ung bướu) bán tự động	Kim sinh thiết mô mềm kèm kim dẫn đồng trục, dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp. Thiết kế nhỏ gọn, nhẹ cho phép thao tác bằng 1 tay dễ dàng. Hai kích thước rãnh: 10mm hay 20mm cung cấp khả năng lấy mẫu chính xác. Những điểm đánh dấu theo centimet. Điểm phân xạ trên ống thông và kim cắt cung cấp khả năng hiển thị dưới máy siêu âm. Đầu tip vát 4 cạnh sắc bén giúp tiếp cận mô dễ dàng, nhanh chóng. Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 11cm, 15cm, 20cm. + Độ lớn của kim: 20G, 18G, 16G, 14G. Kích cỡ kim dẫn đồng trục: + Độ dài của kim: 6cm, 10cm, 15cm. + Độ lớn của kim: 19G, 17G, 15G, 13.5G. Đạt chứng nhận: ISO, CFS.	Cái	20
228	G12-14	Bộ đốt nhiệt (electrode) điều trị khối u sử dụng sóng cao tần	Mô tả: - Bộ đốt nhiệt (electrode) điều trị khối u sử dụng sóng cao tần - Bộ đầu đốt và dây dẫn tín hiệu, có bộ phận làm mát kim đốt bằng nước. - Đường kính đầu kim đốt: 20/18/17/15G; - Chiều dài kim đốt: 70/90/100/150/170/200/300/350/400/500mm - Chiều dài đoạn phát nhiệt (chiều dài đầu đốt): 3/5/7/10/20/30/40/50mm - Tiêu chuẩn ISO; - Thời gian bảo hành: 12 tháng	Bộ	40
229	G12-15	Kim đốt sóng cao tần (Bộ đốt nhiệt) điều trị u gan	Kim đốt sóng cao tần (Bộ đốt nhiệt) điều trị u gan gồm kim đốt nhiệt dây nối, Bộ đầu đốt và dây dẫn tín hiệu, có cảm biến nhiệt độ và bộ phận làm mát kim đốt bằng nước. Kích thước: * Đường kính kim đốt: 18G * Chiều dài kim đốt: 70->300mm * Chiều dài đoạn sinh nhiệt: 20mm, 30mm	Bộ	10
230	G13-01	Quả lọc thận nhân tạo siêu lọc	- Chất liệu màng: Helixon - Diện tích màng: $\geq 1,8m^2$ - Chất liệu vỏ bọc: polypropylene - Thể tích mỗi: $\geq 95ml$ - Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea ≥ 280, Creatinin ≥ 261, Inulin ≥ 127, Cytocrome C ≥ 111, Vitamin B12: ≥ 90, Phosphate: ≥ 248. - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): ≥ 64 (ml/h x mmHg) - Hệ số sàng lọc: Beta2microglobulin (B2M) $\geq 9,9$ Albumin $< 0,001$ - Phương pháp tiệt trùng: hơi nước trong lồng sấy Inline steam	Quả	2.000

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
231	G13-02	Quả lọc thận nhân tạo thường qui	- Chất liệu màng: Polysulfone - Diện tích màng: $\geq 1,6m^2$ - Chất liệu vỏ bọc: polycarbonate - Độ dày thành sợi/đường kính sợi (micromet): 40/200 - Thể tích mỗi: 96ml - Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút: Urea ≥ 247, Creatinin ≥ 220, Phosphate ≥ 186, Vitamin B12 ≥ 113 - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người, Hct 32%, protein 6%): ≥ 16 (ml/h x mmHg) - Phương pháp tiệt trùng: hơi nước trong lồng sợi Inline steam Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE(Hoặc tương đương)	Quả	10.000
232	G13-03	Quả lọc an toàn dành máy B.Braun (Diacap ultra)	Màng lọc polysulfone khả năng hấp thụ cao có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố ≥ 106 IU /ml, tuổi thọ màng lọc : 150 lần chạy thận/ khoảng 900 giờ, có tính ổn định cao tương thích với máy thận nhân tạo Dialog+	Quả	65
233	G13-04	Bộ dây truyền máu dùng cho lọc thận	Dây máu chạy thận có kèm 2 bộ bảo vệ cảm biến, 1 túi nước thải, 1 dây truyền dịch. Tổng chiều dài dây động mạch ≥ 3.830 mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch ≥ 2.830 mm, chất liệu nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác: PVC, PE, PP, PC, ABS và các nguyên liệu y khoa. Dây máu này không chứa cao su tự nhiên nào. Dây tĩnh mạch với bầu tĩnh mạch dài ≥ 130 mm. Dây động mạch với bơm máu (đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 350mm), bầu động mạch dài ≥ 130 mm. Tiệt trùng bằng ETO. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Bộ	10.400
234	G13-05	Kim chạy thận nhân tạo	Kim lọc thận nhân tạo kích thước 16G,17Gx25x300mm - Kim làm bằng thép không gỉ với thành kim mỏng và tráng silicon để tăng sự sắc bén. - Mũi kim được xử lý đặc biệt để giảm đau và giảm tổn thương da. - Ống được làm bằng nhựa y tế PVC. - Có Back-eye - Cánh xoay cố định/ cánh xoay - Tiệt trùng bằng EO - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	111.000
235	G13-06	Dung dịch sát khuẩn màng lọc thận nhân tạo	Thành phần gồm: Hydrogen Peroxide: $\geq 26\%$ Acetic acid: $\geq 4.9\%$ Peracetic acid: $\geq 4\%$. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Can	40

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
236	G13-07	Dung dịch khử khuẩn máy thận nhân tạo Axit Citric 50%	Hàm lượng axit citric 45%-55%. Loại bỏ các loại vi khuẩn: vi khuẩn vi khuẩn Bacillus subtilis var. niger có thể bị tiêu diệt ở nhiệt độ trên 80°C thời gian hoạt động 15 phút, với nồng độ 3%. Dung dịch làm sạch được hút vào máy lọc thận thông qua ống khử khuẩn. Tiêu chuẩn ISO 13485	Can	1.400
237	G13-08	Bộ tiêm chích dùng trong chạy thận nhân tạo	Bộ gồm có: - Gạc lót đốc kim 3.5cm x 5cm x 4 lớp : 02 cái - Khăn chống thấm 40xm x 60cm: 01 cái - Gạc phẫu thuật không dệt 7.5cm x 7.5cm x 6 lớp: 04 cái - Bông cuộn 2cm x 2cm: 2 cái Toàn bộ được tiệt trùng, đạt tiêu chuẩn ISO 13485,	Bộ	56.000
238	G14-01	Đỉnh chốt titan căng chân	- Chất liệu: titanium - Kích cỡ: đường kính đỉnh 8/9/10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm. - Đặc tính: thân đỉnh đặc (gồm 1 đỉnh, 1 nắp đỉnh và 9 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	50
239	G14-02	Đỉnh chốt titan đùi các cỡ	- Chất liệu: titanium - Kích cỡ: đường kính đỉnh 9/10/11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm. - Đặc tính: thân đỉnh rỗng (gồm 1 đỉnh, 1 nắp đỉnh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: 26-60 mm, gia số tăng 2mm, 64-84mm gia tăng số 4mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	40
240	G14-03	Nẹp khóa đầu xa hai xương cẳng tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 14 lỗ. Chiều dài: 64mm. - Đặc tính: nẹp có hình chữ U, lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò) , chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm và vít vò đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30
241	G14-04	Nẹp khóa cẳng tay	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 51/64/77/90/103/116/129mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
242	G14-05	Nẹp khóa cánh tay các cỡ	Chất liệu: titanium.I264 Chiều dài: 56/69/82/95/108/121/134/147/160mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30
243	G14-06	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/ 4/ 5/ 6lỗ. Chiều dài: 44/ 55/ 66/ 77mmmm. - Đặc tính: nẹp thẳng hình chữ T, đầu nẹp có 5 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), sử dụng vít 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) sử dụng vít 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30
244	G14-07	Nẹp khóa xương đòn S (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 45/69/81/93/105/117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	60
245	G14-08	Nẹp khóa mắc xích các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/12 lỗ. Chiều dài: 48/60/72/84/96/108/120/144mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	50
246	G14-09	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10lỗ. Chiều dài: 98/111/124/137/150/163/176/189mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 9 lỗ vít khoá hình tròn và 1 lỗ vít hình giọt nước dùng để nén ép, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30
247	G14-10	Nẹp khóa đầu dưới xương mắc các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6lỗ. Chiều dài: 74/86/98/110mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc giúp cố định chỗ gãy thuận lợi hơn và có 4 lỗ vít khoá hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7/4.0mm và vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
248	G14-11	Nẹp khóa đầu dưới mâm chày (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11/13 lỗ. Chiều dài: 129/142/155/168/181/194/207/233mm. - Đặc tính: nẹp thẳng thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa và vít vò) và 1 lỗ vít hình giọt nước dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30
249	G14-12	Nẹp khóa đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13 lỗ. Chiều dài: 99/139/159/179/199/219/239/259/299mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30
250	G14-13	Nẹp khóa ốp lõi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13 lỗ. Chiều dài: 139/159/179/199/219/239/259/279/299/319mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 7 lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	40
251	G14-14	Nẹp khóa lõi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 5/6/7/8/9/10/11 lỗ. Chiều dài: 99/111/123/135/147/159/171mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 5 lỗ vít khóa hình tròn dùng để sử dụng vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để nén ép để sử dụng vít đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vò đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	40
252	G14-15	Nẹp khóa lõi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 79/91/103/115/127/139/151mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 4 lỗ vít khóa hình tròn dùng để sử dụng vít đường kính 2.7mm. Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để nén ép để sử dụng vít đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 2.7mm/4.0mm và vít vò đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	40

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
253	G14-16	Nẹp khóa đùi các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 6/7/8/9/10/11/12/13/14/16lỗ. Chiều dài: 126/144/162/180/198/216/234/252/270/306mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	100
254	G14-17	Nẹp khóa cẳng chân các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16lỗ. Chiều dài: 78/96/114/132/150/168/186/204/222/258/294mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	100
255	G14-18	Nẹp khóa DHS các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10/11/12lỗ. Chiều dài: 91/107/123/139/155/171/187/203/219/235mm. - Đặc tính: nẹp thẳng có kèm vít khoá DHS, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.00mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	20
256	G14-19	Nẹp khóa đa hướng xương đòn S (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 6/7/8/9/10 lỗ. Chiều dài: 69/81/93/105/117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	40
257	G14-20	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/9/10lỗ. Chiều dài: 103/116/129/142/155/168/181/194mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 9 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn dùng để nén ép, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	30

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
258	G14-21	Nẹp khóa đa hướng mòm khuỷu (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/4/5/6/7/8/10. Chiều dài: 70/83/96/109/122/135mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 2 lỗ vít khóa, thân nẹp có lỗ ở đầu nẹp và cuối nẹp là lỗ vít khóa đa hướng (lỗ vít khóa đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), các lỗ vít còn lại là lỗ vít hình tròn (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò); chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	5
259	G14-22	Nẹp khóa đa hướng căng chân các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/14/16/18. Chiều dài: 94/112/130/148/166/184/202/222/238/274/310mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khóa đa hướng (lỗ vít khóa đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	10
260	G14-23	Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 3/5/6/7/8/9/10/11/13/15. Chiều dài: 99/139/159/179/199/219/239/259/299mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít khóa đa hướng (lỗ vít khóa đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	10
261	G14-24	Nẹp khóa đa hướng ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: 4/5/6/7/8/9/10/11/12/13/15. Chiều dài: 139/159/179/199/219/239/259/279/299/319mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 7 lỗ vít khóa đa hướng (lỗ vít khóa đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	10
262	G14-25	Vít khóa đường kính 2.0 - 5.0 mm	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dừng tước nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	8.000
263	G14-26	Vít khóa đường kính 6.5 - 7.3 mm	- Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22/24/26/28/30mm và 35/40/45/50/55/60 mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dừng tước nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	400

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
264	G14-27	Vít vò đường kính 4.5 - 7.3 mm	Chất liệu: titanium. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6/8/10/12/14/16/18/20/22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren ((full thread)). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	cái	150
265	G15-01	Quả hấp phụ máu một lần thể tích hấp thụ 150 ml	Vật liệu vỏ: PC Vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần. - Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Phương thức khử trùng: Tia Gamma - Nguồn nhiệt: Không pyrogen - Thể tích hấp phụ: 150ml - Thể tích khoang máu :114ml - Diện tích hấp phụ: 52.000m2 - Nội trở: $\leq 4\text{kPa}$ - Lưu lượng máu tối đa: 200-250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: $\leq 100\text{kPa}$ - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 5-30kDa - Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo:	Cái	100

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
266	G15-02	Quả hấp phụ máu một lần thể tích hấp thụ 250 ml	Vật liệu vỏ: PC Vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần. - Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Phương thức khử trùng: Tia Gamma - Nguồn nhiệt: Không pyrogen - Thể tích hấp phụ: 250ml - Thể tích khoang máu :145ml - Diện tích hấp phụ: 70.000m² - Nội trở: ≤4kPa - Lưu lượng máu: 200 - 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: ≤100kPa - Cường độ hạt hấp phụ: 8,1N - Dải hấp phụ: 500-10kDa - Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: + Paraquat: 80.4% + Pentobarbital: 92.9% + Dichlorvos: 51.5% + Antipsychotic: 87.9%	Cái	60

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
267	G15-03	Quả hấp phụ máu một lần thể tích hấp thụ 350 ml	Vật liệu vỏ: PC Vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần. - Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Phương thức khử trùng: Tia Gamma - Nguồn nhiệt: Không pyrogen - Thể tích hấp phụ: 350ml - Thể tích khoang máu :185ml - Diện tích hấp phụ: 104.000m² - Nội trở: ≤4kPa - Lưu lượng máu: 200 - 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: ≤100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 10-60kDa - Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: + Endotoxin: 36.7% ~ 52.5% + TNF: 31.1%~71.2% + IL-1β: 35%	Cái	350
268	G15-04	Quả lọc máu phối hợp	* Diện tích màng: 1,8m² * Chất liệu màng: Polyethersulfone * KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 24 * Thể tích môi: 98 ml - Độ dày màng (μm): 35 - Đường kính trong (μm): 200 - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600 - Q_b = 300 ml/phút, Q_d = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: 260, Creatinine: 248, Phosphate: 213, Vitamin B12: 153 - Tiệt trùng: Gamma Rays. - Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC	Cái	2.500
269	G16-01	Vít cố định dây chằng, đường kính từ 5-12mm, dài 20-35mm.	Chất liệu: Biocompatible * Đường kính vít: 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm, 11mm, 12mm. * Kích thước dài: + Vít đường kính 5, 6, 7, 10, 11mm có 2 chiều dài 25mm, 30mm. + Vít đường kính 8, 9mm có 3 chiều dài 20mm, 25mm, 30mm. + Vít đường kính 12mm có 2 chiều dài 30mm, 35mm.	Cái	70

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
270	G16-02	Vít chốt neo cố định giữ mảnh ghép gân có chốt dài 12mm, rộng 3mm, dày 1.5mm.	Chất liệu: làm bằng Titanium alloy, chốt dài 12mm, rộng 3mm, dày 1.5mm, thiết kế 4 lỗ tròn. Có 2 dây chính chốt dài 900mm, đường kính tương đương chỉ số 2. * Có 6 kích cỡ vòng treo: 15mm, 20mm, 25mm, 30mm, 35mm, 40mm.	Cái	100
271	G16-03	Vít chốt neo tự điều chỉnh chiều dài, có chốt dài 12mm, rộng 3,9mm, dày 1.5mm.	Chất liệu: làm bằng Titanium alloy và sợi nhựa nhiệt dẻo chốt dài 12mm, rộng 3,9mm, dày 1.5mm, thiết kế 4 lỗ tròn. Vòng treo làm bằng sợi nhựa dẻo cao, đường kính dây treo tương đương chỉ số 7. Có 2 dây chính chốt dài 900mm, đường kính tương đương chỉ số 2. Có thể điều chỉnh độ dài dây treo.	Cái	300
272	G16-04	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp, dài 900mm.	Sử dụng trong phẫu thuật nội soi. * Chỉ làm bằng sợi nhựa nhiệt dẻo chiều dài sợi chỉ 900mm, thiết kế có kim thép, có 2 kích thước đường kính: tương đương chỉ số 2 và chỉ số 5.	Cái	150
273	G16-05	Lưỡi đốt bằng sóng Radio dùng trong nội soi khớp, loại lưỡi có thể tháo rời khỏi tay cầm.	Lưỡi đốt nội soi bằng sóng Radio, loại lưỡi có thể tháo rời khỏi tay cầm, chiều dài phần làm việc của lưỡi có 2 loại 150mm và 180mm. Góc gập có các loại 45, 70, 90 độ. * Dây hút dịch có chiều dài 35 cm, có thể tháo rời khỏi tay cầm. * Tương thích với tay cầm ARTro 200 có 2 nút bấm điều khiển bằng tay, dây truyền tín hiệu nối tay cầm với máy đốt bằng jack cắm 6 chân, chiều dài dây tín hiệu 4m.	Cái	150
274	G16-06	Lưỡi bảo dùng trong nội soi khớp đường kính 2.0 mm đến 7.0mm.	Lưỡi bảo dùng trong nội soi khớp với đường kính: 2.0 mm, 3.0 mm, 4.0 mm, 5.0 mm, 5.5mm, 7.0mm. * Kích thước dài: Đường kính 2.0mm: dài 85mm, Đường kính 3.0mm: dài 85mm, 130mm. Đường kính 4.0mm: dài 130mm, 155mm, 174mm. Đường kính 5.0mm: dài 130mm, 155 mm. Đường kính 5.5mm: dài 130mm, 174mm. Đường kính 7.0mm: dài 130mm. * Gập góc: có loại thẳng và loại gập góc 15 độ. * Tương thích với tay nạo SV-8100H.	Cái	150
275	G16-07	Dây dẫn nước dùng trong nội soi khớp, chạy bằng máy bơm áp lực, loại dùng một lần	Dây dẫn nước dùng trong nội soi khớp, có 2 đầu vát nhọn cắm vào chai dịch dẫn nước vào, sử dụng với máy bơm áp lực $\geq$ PV5201. Dòng chảy vào 0,1-2l/phút, áp lực 10-150mmHg.	Cái	150
276	G17-01	Kim sinh thiết dạ dày, dùng nhiều lần	Làm bằng thép không gỉ, phủ Teflon trơn láng đoạn 10cm giúp ra vào kênh sinh thiết dễ dàng và không bị gây gập khi qua các góc gập. Thiết kế đầu kim hình oval/: có kim hoặc không kim, có răng: có kim định vị hoặc không kim. Đường kính dụng cụ từ 1.8mm-2.3mm, chiều dài từ 120cm-180cm-230cm. Hấp diệt trùng nhiệt độ cao	Cái	10

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
277	G17-02	Kim sinh thiết đại tràng, dùng nhiều lần	Làm bằng thép không rỉ, phủ Teflon trơn láng đoạn 10cm giúp ra vào kênh sinh thiết dễ dàng và không bị gây gập khi qua các góc gập. Thiết kế đầu kim hình oval/: có kim hoặc không kim, có răng: có kim định vị hoặc không kim. Đường kính dụng cụ từ 1.8mm-2.3mm, chiều dài từ 120cm-180cm-230cm. Hấp diệt trùng nhiệt độ cao	Cái	5
278	G17-03	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	- Dụng cụ có thể tái sử dụng. - Tay cầm thắt tĩnh mạch thực quản có kênh bơm rửa. - Có thể sử dụng cho loại đầu thắt 7, 9 vòng cao su latex. - Tay cầm có thể tái sử dụng nhiều lần - Quy cách đóng gói: 01 cái/ hộp.	Bộ	3
279	G17-04	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản có kênh bơm rửa	- Dụng cụ sử dụng một lần. - Cấu tạo bộ đầu thắt tĩnh mạch: + Ống thông dẫn đường tích hợp sẵn + Vòng thắt bằng silicon + Vòng thắt mã màu xanh dương có đánh dấu vòng đen ở vòng thứ 6, báo hiệu gần hết thun - Vòng thắt: số lượng: 7 vòng. - Tương thích với ống soi có đường kính: 8.5 – 11.5 mm. - Quy cách đóng gói: 01 cái/ gói.	Bộ	50
280	G17-05	Kim gấp dị vật	Kim gấp dị vật răng cá sấu hoặc răng chuột, có vỏ bọc nhựa, đường kính dụng cụ 2.3mm, chiều dài dụng cụ từ 180cm-230cm, đóng gói tiệt trùng	Cái	3
281	G17-06	Thông lọng cắt Polyp	Xoay được 360 độ giúp dễ dàng khi thao tác. Đầu Tip cách điện. Vòng cắt được bên từ nhiều sợi khác nhau giúp nhát cắt bề mặt được trơn láng. Thiết kế hình oval, độ mở từ 15mm-20mm-25mm- 35mm, chiều dài làm việc 230cm. Tương thích với tất cả các máy đốt. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	30
282	G17-07	Chổi vệ sinh ống soi hai đầu	Bộ gồm: 1 chổi ngắn 2 đầu: đường kính 5mm và 12mm và 1 chổi dài 230cm: đường kính 2 đầu chổi	Cây	20
283	G17-08	Ngáng miệng có dây đeo	Ngáng miệng nội soi có dây đeo, hoặc có dây có đề lưỡi, hoặc không có dây. Đường kính từ W19mm x H18mm, W26mm x H18mm, W23mm x H20mm. Làm bằng vật liệu Latex free	Cái	20
284	G17-09	Tấm điện cực cao su dùng 1 lần, dùng cho máy đốt điện	Tấm điện cực trung tính, bề mặt phủ chất liệu gel, diện tích dẫn truyền 144cm², có rãnh chia ở giữa giúp giám sát dòng điện phản hồi. Dành cho bệnh nhân có cân nặng > 15kg Non - latex Tương thích với các dao mổ điện cao tần sử dụng tính năng giám sát chất lượng tiếp xúc động (tương đối, thích ứng).	Cái	300
285	G17-10	Kim kẹp Clip mạch máu	Kềm kẹp Clip loại trung bình - lớn, 10mm, dài 330mm, tay cầm có vòng nhận biết màu xanh lá.	Cái	2
286	G17-11	Clip cầm máu dùng một lần	Clip mạch máu 1 thì titanium, cỡ trung bình - lớn, vĩ màu xanh lá, kích thước clip 8,1mm x 7,9mm, có cấu tạo mặt trong clip dạng đặc biệt chống trượt, cơ chế đóng đầu clip trước. Dùng được cho mổ hở và nội soi.	Cái	500
287	G17-12	Kim chích dùng trong nội soi	Kim chích dùng trong nội soi	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
288	G18-01	Thủy tinh thể nhân tạo lắp sẵn có dụng cụ đi kèm, lọc ánh sáng xanh, chống lóa	Thủy tinh thể nhân tạo mềm màu vàng dùng mỡ Phaco - Vật liệu hydrophobic acrylic - Thiết kế phi cầu (lồi cầu sau) - Thiết kế cạnh liên tục, bờ vuông 360 độ, sắc sảo, góc tiếp xúc 1.5°, thiết kế còng chữ C - Có khả năng lọc tia UV, kết hợp lọc ánh sáng xanh - Chỉ số khúc xạ ≥ 1.48 tại 35°, đường kính thấu kính 6.0mm, đường kính ngoài thủy tinh thể 13mm - Hằng số A: 118.9 (hoặc ≥ 118.2) - Công suất quang -10.0 đến + 36.0 diop, bước điều chỉnh 0.5 - Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ giúp việc đặt kính đơn giản và an toàn, đường kính ngoài đầu tiêm dụng cụ đặt thủy tinh thể cực nhỏ chỉ ≤ 1.78 mm	Cái	1.200
289	G18-02	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, kỵ nước, 3 mảnh, phi cầu, lắp sẵn	Chất liệu: Acrylic kỵ nước, mềm, đơn tiêu, phi cầu, nhuộm vàng, Còng dạng: Chữ C hoặc L, Chất liệu còng : 3 mảnh - Góc còng ≤ 5 độ. - Thiết kế optic: bờ vuông hoặc cạnh vuông. - Đường kính optic: 6,0 mm - Đường kính tổng: 12,5 mm $\pm$ 5% - Lọc tia UV, Lọc ánh sáng xanh - Dải công suất: từ +10,00D đến +30,00D - Kích thước vết mổ $\leq 2,8$ mm. - Chỉ số khúc xạ $\geq 1,50$ - Kính lắp sẵn trong súng (injector). - Tiêu chuẩn : ISO, Có giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc tương đương.B310	Cái	300



STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
290	G18-03	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, kỵ nước 1 mảnh, phi cầu, lắp sẵn	Chất liệu: Acrylic kỵ nước (Hydrophobic Acrylic) mềm, đơn tiêu, phi cầu, trong suốt Càng dạng : Chữ C cải tiến Góc càng : $\leq 2^\circ$ Thiết kế optic: bờ vuông hoặc cạnh vuông chống đục bao sau thứ phát. Chất liệu Optic không gây hiện tượng Glistening. - Đường kính optic : 6,0 mm - Đường kính tổng: $\geq 13,0$ mm - Lọc tia UV, không lọc ánh sáng xanh. - Dải công suất: từ +6,00D đến +30,00D - Kích thước vết mổ $\leq 2,2$ mm. - Chỉ số khúc xạ : ≥ 1.54 - Kính Thiết kế phi cầu, chỉ số siêu âm $\geq -0.2 \mu\text{m}$ - Kính lắp sẵn trong súng dạng xoay. - Tiêu chuẩn: ISO, CE.	Cái	500
291	G18-04	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, tầm nhìn trung gian	1. Thủy tinh thể mềm, đơn tiêu kéo dài tiêu cự, trong suốt, 1 mảnh, phi cầu, càng chữ C. 2. Tăng cường tầm nhìn trung gian 3. Chất liệu Acrylic không ngấm nước, lọc tia UV. 4. Thiết kế 3 điểm cố định 5. Bờ sau vuông 360 độ được xử lý mờ chống chói 6. Đường kính thấu kính 6mm, chiều dài tổng 13mm 7. Góc càng 0 độ 8. Dải Diop +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D 9. Chỉ số ABBE = 55 10. Chỉ số khúc xạ 1.47 11. Chỉ số cầu sai $-0.27 \mu\text{m}$ 12. Dùng kèm Injector kiểu xoay. 13. Vết mổ 2.2mm 14. ACD: 5.4mm	Cái	100

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
292	G18-05	Thủy tinh thể mềm đơn tiêu, một mảnh, phi cầu	1.Thủy tinh thể mềm đơn tiêu, một mảnh, phi cầu 2.Chất liệu Acrylic ngâm nước ≤25% kết hợp không ngâm nước; 3.Kính lọc tia UV, trong suốt, không bị bọt khí 4.Chỉ số khúc xạ $n \geq 1,46$; chỉ số ABBE > 58 ; Hằng số A $\geq 118,0$ 5.Kính đặt qua vết mổ nhỏ ≤1,8 mm 6.Góc Haptic 0 độ. 7.Đường kính optic 6mm; chiều dài 11mm theo dạng đĩa với 4 điểm tựa có bờ vuông chống đục bao sau 360 độ. 8.Dải công suất 0D đến +32D. Lắp sẵn trong cartridge kèm injector dùng 1 lần. 9.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE. 10.Yêu cầu xuất xứ: Châu Âu/G7	Cái	40
293	G18-06	Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco	Dịch nhầy Hydroxypropyl methylcellulose nồng độ 2,4%, độ nhớt khoảng 6000-8000mPas, trọng lượng phân tử 130.000Daltons, độ thẩm thấu 270-400 mOsm/kg, pH 6.8-7.5/ ống 2ml	Ống	1.600
294	G18-07	Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật Phaco (loại đậm đặc)	Thành phần: Sodium Hyaluronate (NaHa) 2.0% Trọng lượng phân tử: 2.4 million daltons (2.4 million- 3.0 million daltons) Độ nhớt: 40.000 - 60.000 mPa.s tại 25 độ C Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/l Độ PH: 7.0-7.5. Hộp 01 ống/1.0ml trong xilanh. Dùng với đầu kim 27G. Dịch nhầy có tính năng bảo vệ nội mô cao. Tiệt trùng bằng hơi nước.	Ống	400
295	G18-08	Cassette cho máy mổ phaco	Bộ tưới hút dùng 1 lần dùng trong phẫu thuật phaco	Cái	240
296	G18-09	Đầu rửa hút IA	Chất liệu: Kim loại, bọc Silicon Kích thước 20G, cong	Cái	5
297	G18-10	Kim rửa, hút dành cho máy Phaco	Bộ bọc đầu kim dùng trong phẫu thuật Phaco	Hộp	10
298	G18-11	Bộ cắt dịch kính dùng 1 lần	Đầu cắt dịch kính bán phần trước tương thích với máy phẫu thuật Phaco	Hộp	5
299	G18-12	Miếng dán mắt	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, hút nước nhanh, dùng trong phẫu thuật Phaco tiệt trùng (bằng khí EO). Gói/ 10 miếng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015	Miếng	2.600
300	G18-13	Dao mổ phụ Phaco 15 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không ri độ cứng $\geq 500Hv$, phủ Silicon (bao gồm niken và crom), mài theo công nghệ cạnh mài ngang, dao thẳng góc 15độ, 2 mặt vát, tay cầm nhựa chịu nhiệt cao, Vỏ nhựa bảo vệ trượt trên thân dao, tiêu chuẩn ISO 13485, CE,FDA	cái	150

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
301	G18-14	Dao mổ Phaco 2,2mm - 3,2mm	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ độ cứng $\geq 500\text{Hv}$, phủ Silicon (bao gồm niken và crom), mài theo công nghệ cạnh mài ngang, Kích thước lưỡi dao ngang 2.8mm, dày 0.14mm, 2 mặt vát, góc 45 độ, công nghệ chống chói đầu lưỡi dao, tay cầm nhựa chịu nhiệt cao, Vỏ nhựa bảo vệ trượt trên thân dao, tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA	cái	140
302	G19-01	Kim điện cơ dùng một lần	Lõi điện cực bằng Thép không gỉ hoặc Platinum-iridium. Mũi kim bén nhọn. Cấp đồng trục kết nối được mạ vàng, dễ dàng định hướng. Chỉ số diện tích ghi 0.07 mm ² . Cấu trúc ống thông dò được thay đổi. Sự linh hoạt tối ưu hóa nguyên vật liệu. Mã màu sắc chuỗi kim theo tiêu chuẩn thị trường. Đường kính 0.46 mm, chuẩn 26G, dài 37mm, mũi vác 15°, đã tiệt trùng bằng gamma.	Cây	6
303	G19-02	Kim điện cơ dùng một lần loại ngắn	Lõi điện cực bằng Thép không gỉ hoặc Platinum-iridium. Mũi kim bén nhọn. Cấp đồng trục kết nối được mạ vàng, dễ dàng định hướng. Chỉ số diện tích ghi 0.03 mm ² . Cấu trúc ống thông dò được thay đổi. Sự linh hoạt tối ưu hóa nguyên vật liệu. Mã màu sắc chuỗi kim theo tiêu chuẩn thị trường. Đường kính 0.30 mm, chuẩn 30G, dài 25mm, mũi vác 15°, đã tiệt trùng bằng gamma.	Cây	6
304	G19-03	Dây chuỗi kim	Dây cáp nối điện cơ kim chuẩn kết nối thiết bị là 5-pin 240°, chuẩn kết nối kim là pogo pin, dây dài 36" sử dụng cho kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần.	Dây	1
305	G19-04	Điện cực dán đo dẫn truyền	Kích thước điện cực: loại đĩa 20mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng 1,5mm; dây dẫn có 4 màu (đỏ, đen, xanh lá, xanh dương) cho mỗi bộ; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm.	Cái	320
306	G19-05	Điện cực đất loại dán	Kích thước điện cực: 40x50 mm; Kích thước tiếp xúc: 40x50 mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng DIN 42802; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm.	Cái	60
307	G19-06	Gel tẩy da điện cơ, điện não	Loại tuýp 4oz (114g), hiệu quả làm giảm trở kháng để cải thiện tín hiệu của dẫn truyền. Công thức mài mòn nhẹ giúp cải thiện độ dẫn điện để đạt được hiệu quả tối đa với thiết bị.	Tuýp	6
308	G19-07	Gel dẫn truyền điện cơ, điện não	Loại lọ 8oz (228g), không mùi. Cân bằng chính xác của độ bám dính và độ dẫn.	Lọ	2
309	G20-01	Kéo thẳng 2 đầu nhọn 10cm.	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	50
310	G20-02	Kéo thẳng 2 đầu nhọn 16cm.	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
311	G20-03	Kéo cong 2 đầu nhọn 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
312	G20-04	Kéo cong 1 đầu tù 1 đầu nhọn 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
313	G20-05	Kéo thẳng 1 đầu tù 1 đầu nhọn 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
314	G20-06	Pen cong có máu 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	200
315	G20-07	Pen cong 0 máu 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	200
316	G20-08	Pen thẳng 0 máu 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	200
317	G20-09	Pen thẳng có máu 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	200

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
318	G20-10	Pen kẹp kim 14cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
319	G20-11	Pen kẹp kim 16cm	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	150
320	G20-12	Nhíp đầu tù không mẫu 16cm.	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
321	G20-13	Nhíp đầu tù có mẫu 16cm.	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	100
322	G20-14	Nhíp khủy không mẫu 16cm.	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	50
323	G20-15	Banh mũi người lớn.	Chất liệu hợp kim không gỉ, sắc bén, thích hợp dùng trong phẫu thuật.	Cái	50
324	G20-16	Filter dùng cho máy đo chức năng hô hấp	- Filter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp, lắp vào bộ cảm biến của máy đo chức năng hô hấp. - Filter lọc khuẩn được thiết kế có đầu ngâm. Người đo chức năng hô hấp có thể ngâm trực tiếp để thổi. - Đường kính trong đầu cắm vào máy (I.D): 45.5 mm - Đường kính ngoài đầu cắm vào máy (O.D): 48.0 mm - Hiệu quả lọc khuẩn: 99,99% - Bộ lọc: Màng tinh điện PP - Các bộ lọc được thiết kế để ngăn chặn vi khuẩn/virus lây nhiễm chéo - Tiệt trùng bằng khí EO - Quy cách đóng gói: 100 cái/thùng; đóng gói từng cái riêng lẻ. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/ EN ISO 13485: 2016; EC	Cái	3.000
325	G20-17	Cán dao số 3.	Chất liệu hợp kim không gỉ, phù hợp với dao mổ theo tiêu chuẩn quốc tế.	Cái	50
326	G20-18	Máy đo huyết áp cơ	Khoảng đo: từ 0 đến 300mmHg, có đồng hồ đo áp lực: có kim định vị ở mức số không (0), Độ chính xác: ± 3 mmHg, Hệ thống bơm khí: vòng hơi được làm bằng vải may viền có túi hơi cao su bên trong, quả bóp cao su có van điều chỉnh	Cái	100
327	G20-19	Ruột huyết áp lớn	Chất liệu cao su không độc tố	Cái	500
328	G20-20	Bo + Val	Chất liệu cao su không độc tố + hợp kim không gỉ	Cái	500
329	G20-21	Bao đo huyết áp tự động	Bao đo huyết áp tự động	Cái	100
330	G20-22	Bình hút dịch	Bình hút dịch	Cái	50
331	G20-23	Ống nghe	Ống nghe	Cái	100
332	G20-24	Xe đẩy bệnh ngò (xe lăn)	Xe lăn không có hệ thống đẩy cơ khí, thiết kế bằng thép không gỉ.	Cái	100
333	G20-25	Xe đẩy bệnh nằm (xe băng ca)	Xe lăn không có hệ thống đẩy cơ khí, thiết kế bằng thép không gỉ.	Cái	30
334	G20-26	Máy đo huyết áp điện tử	Phát hiện rối loạn nhịp tim công nghệ hiện đại bộ nhớ 30 lần nhớ, lưu ngày giờ	Cái	50
335	G20-27	Nẹp cổ cứng	Gồm một miếng dán dày 13mm, có hình dáng ôm theo thân cổ, gồm 2 mảnh trước và sau, được kết nối với nhau bằng 2 miếng dán lông và gai. Nẹp cổ cứng được dùng trong cố định cột sống cổ sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật	Cái	120

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
336	G21-01	Tay dao mổ điện đơn cực sử dụng nhiều lần	Tay dao mổ điện sử dụng nhiều lần, dây silicon dài 4,6m, hấp hơi nước hoặc EtO	Cái	200
337	G21-02	Tay dao đốt đơn cực	Tay dao đốt đơn cực 2 nút bấm có đầu đốt phủ bằng thép không gỉ, Có bao da, dây dài 3m. Kết nối 3 chân	Cái	250
338	G21-03	Tấm điện cực trung tính	Miếng dán điện cực trung tính dùng cho người bệnh ≥ 13 kg - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày 0.155 cm, Viên bản cực được bao quanh bằng lớp keo aryllic, có độ dày 0.127 cm. Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC. Tương thích với các hệ thống dao mổ điện. Ưu tiên tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện.	Cái	600
339	G21-04	Dây nối tấm điện cực trung tính dùng nhiều lần	Dây nối tấm điện cực trung tính sử dụng nhiều lần, dây dài 4,6m, có cổng kết nối tính năng sử dụng tính năng REM	Sợi	30
340	G21-05	Kẹp lưỡng cực	Kẹp lưỡng cực sử dụng nhiều lần dạng lưới lê, chiều dài 19,1cm, đường kính đầu kích hoạt 2,0mm	Cái	10
341	G21-06	Dây nối lưỡng cực	Dây nối kẹp lưỡng cực sử dụng nhiều lần, chiều dài dây 4,5m (sử dụng với kẹp lưỡng cực)	Sợi	10
342	G21-07	Tay dao hàn mạch mổ mở	Chiều dài dụng cụ 21cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch: 20.6 mm - Chiều dài ngàm dao cắt: 19.8 mm - Hình dạng ngàm dao: cong 40 độ - Ưu tiên tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện.	cái	120
343	G21-08	Tay dao hàn mạch mổ nội soi	- Đường kính 5mm, chiều dài ≥ 37 cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch 20.3mm - Chiều dài ngàm dao cắt 18.5mm - Hình dạng ngàm dao cong 22 độ - Ngàm dao phủ lớp nano - coating - Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ - Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt - Ưu tiên tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện.	cái	40

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
344	G22-01	Khớp háng bán phần không xi măng	Stem: có taper 12/14, Biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore μ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuỗi khớp, Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 16:138mm, 17:146mm, 18:150mm. Head: Chất liệu hợp kim ISODUR F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12). Có taper 12/14. Có biên độ xoay 135°, đầu gần chỏm 22.2mm cho Bipolar có đường kính 39mm - 42mm, chỏm 28mm cho Bipolar cho đường kính 43mm - 55mm. Có nhiều size S, M, L, XL, XXL. Cup bipolar: chất liệu Ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE bên trong , (ISO 5834-2), bên ngoài chất liệu Implant Stainless steel ISO 5832-1 có các size 39mm-55mm, có vòng khóa chống trật. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	80
345	G22-02	Khớp háng toàn phần không xi măng	Stem: có taper 8/10 & 12/14, biên độ xoay 135°, đường cắt xương 55°, có cánh & rãnh chống xoay chuyên biệt. Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần được phủ lớp với Công nghệ Plasmamore μ-CaP (calcium phosphate CaP) làm tăng tốc sự hình thành bề mặt xương tiếp xúc với chuỗi khớp, Chuôi làm bằng hợp kim ISOTAN F-Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3). Có 11 size chuẩn với kích cỡ và chiều dài như sau : 8:112mm, 9:116mm, 10:120mm, 11:124mm, 12:127mm, 13:131mm, 14:135mm, 16:138mm, 17:146mm, 18:150mm. Liner:Chất liệu bằng Ultra high molecular weight polyethylene (ISO 5834-2) kết hợp Vitamine E Head: Có đường kính 22.2mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm. Chất liệu ISODUR® F Cobalt-chromium forged alloy (CoCrMo / ISO 5832-12) Ổ cối: Loại ổ cối Plasmafit phủ công nghệ độc quyền Plasmapore® Pure titanium (Ti / ISO 5832-2), Plasmapore CaP giúp mau liền xương từ 8-12 tuần, có các size từ 40mm - 68mm, có 3 lỗ bắt vít hướng 11h, 12h, 13h. Chất liệu Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3 Vít: có các size 16mm, 20mm, 24mm, 28mm, 32mm, 36mm, 40mm, 44mm chất liệu ISOTAN® F Titanium forged alloy (Ti6Al4V / ISO 5832-3),góc xoay đa hướng +/- 9°. Tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	50

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
346	G22-03	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài	Bao gồm: Đầu chòm Bipolar, chòm khớp, cuống khớp Pannon loại dài. * Đầu chòm Bipolar: - Vật liệu : REX Steel/PE. - Kích cỡ : 41 – 55mm với mỗi bước tăng 1 mm và 58, 61mm. - Đầu chòm có thiết kế Excentric-tự định vị tâm xoay theo lực tỷ lệ giảm nguy cơ mòn ổ cối tập trung tại một điểm * Cuống khớp: Vật liệu : Titanium alloy. - Thiết kế phù hợp với giải phẫu giúp bảo tồn xương - Kích cỡ chuỗi: 3, 4, 5, 6, 7, 8 9, 10 - Chiều dài chuỗi: 190, 205, 210, 215, 220, 225, 230, 235mm. - Góc cổ chuỗi: 135o. cổ côn 12/14 mm - Chuỗi dạng không cổ, lớp phủ Titanium Plasma Spray 1/3 đầu gần, với thiết kế hình nêm cả hai chiều (kiểu Muller) - cổ định tốt, chuyển tải lực phía đầu gần tốt hơn giúp xương can sớm. * Đầu Chòm xương đùi - Vật liệu : REX Steel. - Đường kính: 28 mm (-3, +0, +3, +5, +8, +12).	Cái	26
347	G22-04	Khớp gối	Khớp gối cố định toàn phần mâm chày không đối xứng, chất liệu chính của Lõi Cầu và Mâm Chày làm bằng hợp kim Cobalt-Chrome Molybdenum (CoCrMo) đánh bóng bề mặt, bên ngoài được phủ bởi các lớp hợp kim chromium nitride, chromium carbon nitride ngoài cùng phủ lớp zirconium nitride nhằm hạn chế tối thiểu các trường hợp bệnh nhân mắc cảm với Cobalt và Chrome, lõi cầu đùi đa trục dạng J, thiết kế dạng chêm mặt cắt trước làm giảm thiểu mất xương và tăng diện tích tiếp xúc của lõi cầu lên bề mặt xương, gập gối tối đa 160 độ. - Lõi cầu có các Size : F1, F2, F3, F4, F5, F6, F7 ,F8. - Lớp đệm mâm chày được làm bằng vật liệu cao cấp Beta Polyethylent (UHMWPE -ISO 5834-2) có kích thước 10,12,14,16,18,20 mm, thiết kế nghiêng sau 3 độ làm giảm nguy cơ trật khớp. - Mâm chày thiết kế dạng vây cá gồm các size: T0, T1, T2, T3, T4, T5. Cơ chế kết hợp Mâm chày và lõi cầu : + T0: F1, F2, F3, khả thi F4 + T1: F1, F2, F3, F4, Khả thi F5 +T2 : F2, F3, F4, F5, Khả thi F1 và F6 + T3: F3, F4, F5, F6, Khả thi F2 và F7 +T4: F4, F5, F6, F7, Khả thi F3 +T5 :F5, F6, F7, Khả thi F4 Tiêu chuẩn: ISO, CE	cái	18

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
348	G22-05	Khớp háng bán phần không xi măng di động kép	1.Cuống xương đùi: Vật liệu Titanium , phủ HA toàn bộ chuôi bằng cách phun phủ lớp plasma dày 130micron cung cấp bề mặt xốp có khả năng tương thích sinh học tuyệt vời và tạo ra cấu trúc tối ưu cho sự phát triển của xương.Góc cổ chuôi 135 độ. trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt, giúp chống xoay và chống lún. Cổ côn 12/14mm -Kích thước: các size, các cỡ... 2.Cup bán phần: - Vật liệu: thép không gỉ Stainless Steel có độ bền cao, kích thước từ 39mm đến 55mm. Mỗi nhịp tăng 1mm. 3.Lót đầu chòm : Vật liệu polyetylen cao phân tử khả năng chống va đập và mài mòn cao, có 4 rãnh dọc giúp tháo lắp dễ dàng, Có 4 cỡ 4.Chòm xương đùi: - Vật liệu: Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel - Kích thước: đường kính 22mm (-2,0,+2) ,28mm (-3.5,0,+3.5,+7), có các size S, M, L, XL Cung cấp kèm bộ dụng cụ thay Khớp háng toàn phần khi sử dụng.	Cái	50
349	G22-06	Khớp háng toàn phần không xi măng, chống xoay	1.Cuống xương đùi: Vật liệu Titanium , phủ HA toàn bộ chuôi bằng cách phun phủ lớp plasma dày 130micron cung cấp bề mặt xốp có khả năng tương thích sinh học tuyệt vời và tạo ra cấu trúc tối ưu cho sự phát triển của xương.Góc cổ chuôi 135 độ. trên thân xẻ rãnh dọc và ngang hình bán nguyệt, giúp chống xoay và chống lún. Cổ côn 12/14mm -Kích thước các size, các cỡ.. 2.Ổ Cối: Vật liệu Titanium alloy, phủ HA toàn bộ. Kích thước từ 40mm-68mm, mỗi nhịp tăng 2mm Bên ngoài có rãnh ngoại vi tăng khả năng cố định đảm bảo độ khít tuyệt đối . Bên trong có 12 rãnh chống xoay 3.Lót ổ cối: Vật liệu Polyethylene cao phân tử Kích thước từ 40mm-68mm, mỗi nhịp tăng 2mm Bờ chống trật 15 độ giúp tối đa phạm vi dịch chuyển của khớp. Bên ngoài có 12 chốt chống xoay, mỗi chốt 30 độ tương thích với ổ cối . Độ dày thành tối thiểu 5mm. 4.Chòm Khớp :Vật liệu Cobalt-Chrome (CoCr) / Stainless Steel Kích thước: đường kính các size, các cỡ..., mỗi nhịp tăng 5 Cung cấp kèm bộ dụng cụ thay Khớp háng bán phần khi sử dụng.	cái	30

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
350	G22-07	Khớp háng bán phần không xi măng, ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp	1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium. Cổ chuôi 12/14, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước các cỡ: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma. 2. Ổ cối bán phần: Bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ, đánh bóng gương. Bề mặt bên trong bằng polyethylene. Đường kính từ 42 đến 58 bước tăng 2 tương ứng chòm đường kính từ 22 mm; Đường kính từ 42 đến 60 bước tăng 2 tương ứng chòm đường kính 28mm. Ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp. 3. Đầu xương đùi (chòm): Chất liệu: Thép không rỉ. Kích cỡ: 12/14 đường kính từ 22mm, có các size các cỡ.	Cái	20
351	G22-08	Khớp háng toàn phần không xi măng, loại Ceramic	1. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium. Cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma 2. Ổ cối (cup): được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium tinh khiết cao và 1 lớp hydroxyapatite, bề mặt vành ngoài có đỉnh nhọn cố định chống xoay, trên đỉnh ổ cối có đỉnh nhọn hoặc lỗ bắt vít chống lật. Vật liệu: Hợp kim titanium. Kích cỡ: cup từ 36 đến 62 tương ứng lớp đệm size từ 36 đến 48;. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma 3. Ớp đệm: Vật liệu: thuần ceramic. Size từ 36 đến 48 tương ứng với chòm đường kính 28 và 32mm. Được tiệt trùng sẵn bằng tia gamma 4. Đầu xương đùi (chòm): Chất liệu: thuần ceramic. Đường kính 28mm có các size 5. Vít ổ cối: bằng hợp kim titanium, đường kính 5.5mm, dài 20-45mm, bước tăng 5mm, tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.	Cái	20
352	G22-09	Khớp háng bán phần không xi măng phủ HA toàn thân	1. Cuống xương đùi (Stem): - Kích cỡ: có 7 kích cỡ 1-7, chiều dài tương ứng 111mm, 116mm, 122mm, 127mm, 133mm, 138mm, 144mm. - Thân chuôi có rãnh dọc, mặt cắt thân chuôi hình bầu dục. - Vật liệu: anodized TA6V, phủ 80µm Hydroxyapatite toàn thân (HAP). - Góc cổ chuôi (Neck Angle): 137 độ, taper 10/12. 2. Đầu xương đùi (Femoral Head): Chất liệu: hợp kim M30NW, kích cỡ 22.2mm, 28mm. 3. Chòm xương đùi + lớp đệm polyethylene UHMWPE kèm khóa chống trật đầu xương đùi, kích cỡ từ 40mm đến 58mm với bước đệm 2mm.	Cái	30

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
353	G22-10	Khớp háng toàn phần không xi măng, thiết kế bảo tồn xương	1. Cuống xương đùi (Stem): - Kích cỡ: có 7 kích cỡ 1-7, chiều dài tương ứng 182mm, 187mm, 192mm, 197mm, 202mm, 207mm, 212mm. Đường kính đầu xa Ø8mm với size 1, 2; Ø10mm với size 3,4,5; Ø11mm với size 6,7. - Thân chuôi có rãnh dọc, mặt cắt thân chuôi hình bầu dục. - Vật liệu: anodized TA6V, phủ 80µm Hydroxyapatite toàn thân (HAP) - Góc cổ chuôi (Neck Angle): 135 độ, taper 10/12. 2. Đầu xương đùi (Femoral head): - Chất liệu : hợp kim M30NW, kích cỡ 22.2mm, 28mm. 3. Chòm xương đùi + lớp đệm polyethylene UHMWPE kèm khóa chống trật đầu xương đùi, kích cỡ từ 40mm đến 58mm với bước đệm 2mm..	Sợi	20
354	G22-11	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài.	1. Cuống xương đùi (Stem): + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V theo tiêu chuẩn ISO5832-3, bên ngoài được phủ toàn thân 2 lớp T40 titanium và Calcium Hydroxyapatite (HA), thiết kế thân có rãnh dọc chống xoay và rãnh ngang chống lún. + Kích thước: có 12 kích cỡ từ 7 đến 20. + Chiều dài: 110mm, 115mm, 130mm, 140mm, 145mm, 150mm, 155mm, 160mm, 165mm, 170mm, 180mm, 190mm. + Góc cổ chuôi: phổ biến ở hai góc độ 135° taper 12/14. 2. Đầu xương đùi (Head): + Vật liệu: Co-Cr theo tiêu chuẩn ISO 5832-12 , kích thước 32mm (-4, +0, +4, +8); 36mm (-4, +0, +4, +8). 3. Ổ cối (Cup): + Vật liệu: Titanium Alloy TA6V theo tiêu chuẩn ISO5832-3, bên ngoài được phủ 2 lớp theo công nghệ Plasma Sprayed porous Titanium (400µm - 600µm) và Calcium HydroxyApatite (HA) 80µm. Thiết kế có một đường viền ngoại vi 2.6mm nhằm ngăn chặn sự va chạm giữa cổ chuôi và lớp đệm sứ, bảo đảm sự cố định lớp đệm nhựa trong khi duy trì sự trơn mịn cơ chế hình nón. Có 4 lỗ bắt vít trên một cung không đối 120°. Kích cỡ: từ 46-62mm. 4. Lớp đệm (Insert) : + Chất liệu: Polyethylene được trộn với 0.1% Vitamine E theo công nghệ Highly Crosslinked, có thiết kế vát cạnh theo đường tròn 20°. + Kích thước của lớp đệm phổ biến cho các đầu xương đùi 32mm và 36mm. 5. Vít ổ cối (Screw): + Chất liệu titanium TA6V, đường kính 6.0mm, chiều dài 20-50mm.	Cái	



STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
355	G23-01	Miếng vá màng cứng sinh học tự tiêu 4X5 cm	- Là một cấy ghép collagen tinh khiết (Pure Collagen) được sản xuất từ màng ngoài tim bò. Sau khi cấy ghép, Lyoplant® dần dần thoái hóa enzyme và được thay thế bằng mô liên kết riêng của cơ thể, dễ dàng khâu vá. - Độ kín cao ngăn ngừa rò rỉ CSF, độ kết dính cao. - Nên được cố định bằng vật liệu khâu không hấp thụ (polyester và polypropylen). - Kích thước 4cm x 5 cm - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	Cái	20
356	G23-02	Miếng vá màng cứng sinh học tự tiêu 6X8 cm	- Là một cấy ghép collagen tinh khiết (Pure Collagen) được sản xuất từ màng ngoài tim bò. Sau khi cấy ghép, Lyoplant® dần dần thoái hóa enzyme và được thay thế bằng mô liên kết riêng của cơ thể, dễ dàng khâu vá. - Độ kín cao ngăn ngừa rò rỉ CSF, độ kết dính cao. - Nên được cố định bằng vật liệu khâu không hấp thụ (polyester và polypropylen). - Kích thước 6cm x 8cm - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	20
357	G23-03	Ghim kẹp sọ não tự tiêu đường 16mm	Vật liệu: 'Polyester tự tiêu, 'Chất liệu tự tiêu, không gây chảy máu nền sọ, không ảnh hưởng tới việc phát triển hộp sọ ở bệnh nhân. - Đóng gói tiệt trùng, hiệu quả thẩm mỹ cao đặc biệt ở khu vực xương trán. Không bị nhiễm từ khi chụp MRI - Gồm 1 trục và 2 đĩa nẹp - Đường kính 16mm Đạt tiêu chuẩn ISO/EC	cái	20
358	G23-04	Nẹp thẳng 10 lỗ. kích thước 43,9 x 3,4 mm, dày 0,4 mm.	Nẹp sọ 10 lỗ, kích thước 43,9 x 3,4 mm, dày 0,4 mm, chất liệu Titanium, thích hợp với vít kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 x 4.0 mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa. sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	cái	30
359	G23-05	Vít sọ não tự khoan.	Vít tự khoan, kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 X 4.0mm Khay vít gồm 6 vít tự khoan đóng gói riêng lẻ, kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 X 4.0mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa. sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	cái	250

STT	Mã VT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật cơ bản	DVT	Số lượng
360	G23-06	Hệ thống dẫn lưu não thất - ổ bụng	Với sự trợ giúp của các công cụ Cảm ứng mềm và khóa từ trường ngăn chặn điều chỉnh van ngoài ý muốn lên đến 3 tesla, đường kính van. - Buồng chứa kích thước 20mm - van điều chỉnh kích thước 17mm - van trọng lực kích thước 12mm. Đơn vị điều chỉnh trong các bước 1 cmH2O trong khoảng từ 0 đến 20 cmH2O. - Tất cả các mức áp suất được hiển thị ở đây là tính bằng cmH2O. - Ống thông xa tích hợp dài 1200 mm. Ống thông tâm thất với bộ làm lệch hướng và que thăm đưa vào (250 mm). - Đầu nối d = 1.9mm, Đơn vị điều chỉnh d = 4.5mm, Đơn vị hấp dẫn d = 4.2mm, Ống thông d = 1.2mm và d = 2.5mm - Tính năng này cho phép kiểm soát mức độ ổn định của ống thông tâm thất và dẫn lưu xa. - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE	cái	3
361	G23-07	Bộ nẹp vít vô trùng và sọ não loại 1 nẹp	Bộ nẹp vít vô trùng: Bao gồm 1 nẹp lỗ sọ hình tròn 6 lỗ vít, đường kính 23,4 mm, 2 nẹp thẳng 2 lỗ dài 15,4 mm và 10 vít tự khoan kích thước 1,5 x 4 mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa. chất liệu Titanium. sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	cái	20
362	G23-08	Bộ nẹp vít vô trùng và sọ não loại 5 nẹp	Bộ nẹp vít vô trùng: Bao gồm 5 nẹp 2 lỗ thẳng đặc biệt dài 15,9 mm, 5 vít tự khoan kích thước 1,5 x 4mm, 5 vít tự khoan kích thước 1,95 x 4mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa., chất liệu Titanium, sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	cái	20
363	G23-09	Lưới và sọ 3D hình vuông dày 0,6 mm, kích thước 50 x 50 mm	Lưới và sọ 3D hình vuông, tấm màu bạc, dễ dát mỏng, dễ uốn độ dày 0,6 mm, kích thước 50 x 50 mm, chất liệu Titan, thích hợp với Vít tự khoan, kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 X 4.0mm.tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa. sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5
364	G23-10	Lưới và sọ 3D hình vuông dày 0,6 mm, kích thước 100 x 100 mm	Lưới và sọ 3D hình vuông, tấm màu bạc, dễ dát mỏng, dễ uốn độ dày 0,6 mm, kích thước 100 x 100 mm, chất liệu Titan, thích hợp với Vít tự khoan, kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 X 4.0mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa. sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	10
365	G23-11	Lưới và sọ 3D hình vuông dày 0,6 mm, kích thước 150 x 150 mm	Lưới và sọ 3D hình vuông, tấm màu bạc, dễ dát mỏng, dễ uốn độ dày 0,6 mm, kích thước 150 x 150 mm, chất liệu Titan, thích hợp với Vít tự khoan, kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 X 4.0mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa. sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	20
366	G23-12	Lưới và sọ 3D hình vuông dày 0,6 mm, kích thước 200 x 200 mm	Lưới và sọ 3D hình vuông, tấm màu bạc, dễ dát mỏng, dễ uốn độ dày 0,6 mm, kích thước 200 x 200 mm, chất liệu Titan, thích hợp với Vít tự khoan, kích thước 1.5 x 5.0 mm và 1.8 X 4.0mm tương thích MRI. Kiểm tra MRI sử dụng từ trường 1.5 và 3.0 Telsa.sử dụng với trục tua vít cho tua vít điện dài 57mm và tua vít điện vô trùng sử dụng một lần chiều dài 175mm tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	20
Tổng 366 mặt hàng					

